BAO DUNG HỒ CHÍ MINH(*)

Tiếng Hán, "*Bao*" có một nghĩa là rộng rãi. "*Dung*" có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa là "nhận", "tiếp nhận" và cũng có nghĩa là "bao bọc" rộng rãi.

Trong tiếng nói Việt Nam, với nhiều cung bậc, mầu sắc khác nhau, nhưng "họ hàng" từ "bao dung" có thể kể ra nhiều: Thông cảm, tha thứ, dung thứ, độ lượng, đại lượng, nguyên lượng, khoan hồng, khoan dung...

Bao dung gợi lên ý "tiếp nhận một sự việc, một con người khách quan với sự thông cảm rộng rãi để không có một ứng xử đối lại xấu, ác, nghịch".

Như vậy bao dung có nguồn gốc từ lòng "*Nhân*", nhân từ, nhân ái, nhân đạo, nhân văn. Yêu con người, thực sự hiểu biết số phận của mỗi con người, "Thương người như thể thương thân", mới nảy sinh được bao dung.

Bao dung còn cần đến trí tuệ, đến sự hiểu biết chân tơ kẽ tóc sự việc, con người. Tri thức dẫn đến bao dung không phải chỉ có những người học cao, làm lớn mới thực hiện được. Bao dung bao giờ cũng gắn bó, liên quan đến trí tuệ. Có hiểu biết, thông cảm mới có thể tha thứ, bao dung.

Bao dung thể hiện rõ rệt nhất trên hai mặt tư tưởng và phương pháp ứng xử. "Sự kiện bao dung" nào đó diễn ra cũng chính là kết quả của tư duy, tư tưởng thông qua phương pháp ứng xử, là kết quả của "Thiện", "Nhân", "Tâm", "Đức", rồi "Trí" tác động đến đối tượng được bao dung.

(*) Báo Quân đội nhân dân, 5-1994; báo Đại đoàn kết, 2-1995.

Bao dung không phải là ứng xử của kẻ yếu. Lão Tử từng nói: "Vì nhân từ nên mới mạnh". Hiểu biết là sức mạnh, mà bao dung lại đòi hỏi hiểu biết. Người bao dung ngoài sự hiểu biết đối tượng còn phải liệu trước, dự đoán trước những gì sẽ xảy ra sau khi hành động bao dung và tất nhiên phải có khả năng "thắng" mới bao dung được.

Công lý bao giờ cũng sáng chói. Nhưng "Khoan hồng còn chói sáng hơn công lý" (Cervantès). Tuy nhiên không thể bao dung tràn lan, cho mọi sự việc, mọi con người, mọi đối tượng. Bao dung đòi hỏi phải có nguyên tắc, có điểm dừng, phải "*tri túc*" biết đâu là đủ. Nếu như quá bao dung với kẻ hung bạo thì sẽ bất công đối với người lương thiện, sẽ vi phạm hoặc không tôn trọng luật pháp của cộng đồng.

Bao dung thường là rất tốt, là lợi cho kẻ khác, nhưng bao dung cũng có phần "lợi" cho ta. "Lợi" về mặt lòng nhân từ, đạo đức, về tu dưỡng bản thân... Tuy nhiên, người có lòng bao dung chân chính bao giờ cũng nghiêm khắc với mình, rộng rãi, độ lượng với kẻ khác, tha thứ nhiều cho người mà không tha thứ cho mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - khi còn là cậu bé Cung ở quê nhà đã "tiếp nhận" được một tình thương của cha mẹ, ông bà, anh em, họ hàng, dân làng.

Từ cảnh ngộ của mình, lớn lên với đồng bào đau khổ, rời nước ra đi, anh lại tiếp tục nhìn thấy sự đau khổ chung của nhiều đồng bào khác. Lòng thương người, mong muốn có được một cái gì đó giúp họ đỡ đau khổ hơn, giải thoát đau khổ vĩnh viễn cho họ..., luôn luôn xâm chiếm tâm trí anh, thúc giục anh. Tri thức bách khoa về con người, thực tiễn tuyệt vời của cuộc sống, tinh hoa văn hoá thời đại đã dần hình thành trong anh giá trị của bao dung Hồ Chí Minh. Những năm sau đó,

dù ở đâu, với cương vị gì, Hồ Chí Minh vẫn trước sau giữ một tấm lòng bao dung rộng rãi, không chỉ được lưu giữ trên hàng ngàn trang sách mà còn trong triệu triệu trái tim con người.

Có thể không bao giờ kể hết được những ứng xử bao dung của Hồ Chí Minh qua việc nhường thức ăn, chia áo ấm cho các chiến sĩ bảo vệ, cho cả tù binh, gọi những con người hôm qua còn cầm súng chống lại mình là "bạn", khi họ phải hạ súng xuống đầu hàng cũng được gọi là "bạn". Hồ Chí Minh đề cao sự đoàn kết, tán dương chữ "đồng", đồng tâm, đồng chí... chủ trương "mở" hoà hợp chứ "không" "biệt lập", lấy "nhu chế cương", "hoà chế nghịch", "thiện thắng ác", "thà để người phụ ta chứ ta không phụ người", bản thân thì tiết kiệm từng cái quạt cọ, đôi tất rách, nhưng lại lo cho toàn dân có áo lành, áo đẹp. Hồ Chí Minh ưa sự giải thích, ngăn ngừa các hành vi không chí thiện, ngăn cản đến phút cuối cùng cho sự "ác" không diễn ra... và khi không thể ngăn cản được, lại tiếp tục đem tấm lòng nhân ái, độ lượng... tiếp tục ngăn cản cho sự ác chậm phát triển, mau kết thúc.[1]

Với lòng yêu người, đức nhân từ và trí tuệ, bao dung Hồ Chí Minh luôn khơi dậy trong mỗi con người những mầm thiện, niềm tin, sức mạnh vươn lên để hoàn thiện chính mình. Ngày 21 tháng 2 năm 1952[2] khi đa số cán bộ và nhân dân ta cho "dinh tê" là Việt gian, phản quốc, Người nói: "Người dinh tê không phải muốn phản bội mà

(1) Xin tham khảo thêm:
"Với kẻ lành, lấy lành mà ở
Với kẻ chẳng lành, vẫn lấy lành mà ở
Với kẻ thành tín với ta, lấy thành tín mà ở
Với kẻ không thành tín với ta, vẫn lấy thành tín mà ở" (Lão Tử)
"Trong đạo xử thế, biết trách mình là người khôn, chỉ biết trách người là kẻ vụng". (Kinh Dịch)
(2) Viện Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, tập 5 bản đánh máy.

vì họ kém tin vào dân tộc, vào bản thân" và kêu gọi "Người dinh tô hãy tin vào bản thân mình, tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến".

Là một người dù màu da khác nhau, dù với chính kiến chính trị nào, dù thái độ đối với cá nhân Hồ Chí Minh hay sự nghiệp chung mà Hồ Chí Minh đang đấu tranh ủng hộ hay không ủng hộ, khi đã gặp Hồ Chí Minh, trên trang sách, trong câu chuyện kể, hay trực tiếp đối mặt, không một ai không bị thuyết phục bởi sự giản dị, tiết kiệm, bình dân (nghiêm khắc đối với mình), bởi lòng nhiệt tình, hy sinh, nhân ái, vị tha (rộng rãi với người) của Hồ Chí Minh. Tấm lòng bao dung của Hồ Chí Minh không chỉ đối với con người. Một con chim, con cá nhỏ, một cánh bướm bay, một hàng "bụt mọc", một thân cây..., đều được tiếp nhận trái tim bao dung của Người.

Điều bao dung lớn nhất của Hồ Chí Minh có thể là sự tôn trọng chính kiến, tư tưởng, niềm tin của người khác, không lấy ý kiến của mình, tư tưởng, niềm tin của mình để bác bỏ, loại trừ chính kiến, tư tưởng, niềm tin của những người khác[1]. Nhận mình là một người yêu nước, đồng thời chấp nhận có chọn lọc những phần, những yếu tố tư tưởng đúng đắn và tốt đẹp của "Khổng", của "Phật", của "Giê-su", Hồ Chí Minh chủ trương chung sống với mọi niềm tin, chính kiến, vì một sự công bằng, dân chủ, tôn trọng lẫn nhau. Sự bao dung ấy phải chăng là một ứng xử hoà bình, "Là vị thuốc duy nhất để chữa những lỗi lầm đang làm hư hỏng con người ở khắp vũ trụ" (Voltaire)... Nếu bao dung, mà tiêu biểu nhất trong thời đại này là bao dung Hồ Chí Minh có thể làm nguội

(1) Xin tham khảo thêm: "Đem cái mình ưa thích chống lại những gì mình không ưa thích, đó là tâm bệnh của con người" (Vì thuật tương tranh, thị vi tâm bệnh) - Tăng Xán.

đi những nòng súng sắc tộc, tôn giáo thì "bao dung Hồ Chí Minh phải là tên gọi mới của hoà bình"... Liệu "bao dung Hồ Chí Minh" có thể là một "kinh thánh" cho thời đại chúng ta, cho thế hệ hôm nay và mãi mãi về sau? Nếu "Đại đoàn kết, đại hoà hợp" trong "bao dung Hồ Chí Minh" đem lại cho loài người một sự bằng an cho mọi người biết lấy Thiện, Tâm, Đức, Trí mà thông cảm, tha thứ, tiếp nhận..., cho nhau thì đó thật là một phương "thuốc thánh" của thời đại...

Bao dung Hồ Chí Minh là một tấm gương cụ thể mà mọi con người trên thế gian này dù là tổng thống, vua, chúa, hoàng hậu cho đến các nhà bác học, quan lại, dân thường ở mọi nước, mọi xã hội, nhà máy, nhà trường, gia đình đều có thể xem xét, nghiên cứu, học tập và vận dụng ứng xử vào trong cuộc sống hàng ngày của mình. Đứng trước một sự việc, một vi phạm, lỗi lầm, một sự ác..., mọi người có thể tham khảo "bao dung Hồ Chí Minh" để tìm ra một phương pháp xử lý tối ưu và chân thiện nhất.

Trong lịch sử nhân văn của loài người, đông tây, nam bắc không thiếu những con người có đức bao dung. Nhưng đối với một nhân cách, một tâm hồn, một trí tuệ bao dung như Hồ Chí Minh, đấy là một hiện tượng riêng biệt độc đáo của Hồ Chí Minh mà vẫn là tài sản chung của cộng đồng thế giới.

Tìm hiểu - dù chưa được nhiều - bao dung Hồ Chí Minh đâu phải chỉ là để ca ngợi - một công việc vẫn nên làm nhiều hơn nữa - đâu chỉ là để tôn thờ, "Kính nhi viễn chi"! Cái chính là cần đem "bao dung Hồ Chí Minh" đắp xây cho nền tảng đạo đức của dân tộc ta, góp phần xây đắp cho nền đạo đức của cả loài người.

ĐẤU TRANH GIAI CẤP VỚI TƯ DUY CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH[*]

Theo báo cáo của mật thám Giăng (Jean) tại Paris trong ngày 9 tháng 2 năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã hai lần đến thư viện Sainte Geneviève, rồi sau đó vào các ngày 10, 11, 12, 13, 15, 17, 19 và nhiều ngày nữa vẫn tiếp tục đến đọc sách trong thư viện này. Trong một lần kể chuyện cho một cán bộ, Hồ Chủ tịch nói Bác đã đọc *Tư bản luận* của Mác bảy ngày liền. Phải chăng Người đã đọc cuốn sách đồ sộ ấy của Mác tại thư viện Sainte Geneviève?

Gần đúng hai tháng sau, ngày 11 tháng 2 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày đề tài "*Chủ nghĩa Bôn-sê-vích ở châu Á*" tại Hội nghị những người Thanh niên Cộng sản Pháp quận II, Paris. Tháng 7 cùng năm, Nguyễn Ái Quốc đọc tác phẩm của Lê-nin về "*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc thuộc địa*" đăng trên báo *L'Humanité* (Nhân đạo) số ra ngày 16 và 17 tháng 7 năm 1920. Luận cương này đã làm cho Nguyễn Ái Quốc "cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao" - một tình cảm và nhận thức mà do nhiều nguyên nhân trước đó Người chưa có cho đến khi đọc các tác phẩm của Mác. Nguyễn Ái Quốc còn viết thư bằng tiếng Pháp gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản cho biết "Luận

(*) Trích tham luận khoa học tại Hội thảo quốc tế Việt Nam trong thế kỷ 20 - Hà Nội, tháng 9-2000.

cương này đã ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành thế giới quan" (chúng tôi nhấn mạnh) của mình[1].

Văn bản đầu tiên mà Nguyễn Ái Quốc nêu tên V. I. Lê-nin là bài "*Mấy ý nghĩa về vấn đề thuộc địa*" viết bằng tiếng Pháp đăng trên báo L'Humanité, ký tên Nguyễn Ái Quốc, ngày 25 tháng 5 năm 1922. Trong bài này, tác giả viết: "Chủ nghĩa Bôn-sê-vích, trước con mắt người dân bản xứ có nghĩa là sự phá hoại tất cả, hoặc tự giải phóng khỏi ách nước ngoài. Nghĩa thứ nhất, làm cho quần chúng ít học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả".

Băn khoăn, suy nghĩ về chủ nghĩa Bôn-sê-vích - thực ra là chủ nghĩa Mác - áp dụng như thế nào trong một nước thuộc địa có bọn đế quốc thực dân và tay sai, có đông đảo nông dân, một bộ phận nhỏ công nhân mới hình thành cùng với nhiều tầng lớp xã hội khác - như ở Việt Nam - là một chuỗi dài tháng năm tư duy, chọn lọc, tìm kiếm của Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc đã đi từ nhận định "Ở Đông Dương có hai con người: Người được bảo hộ và người đi bảo hộ" (báo Le Paria, số 16 tháng 7 năm 1923) đến kết luận: "Vậy là, đủ màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người, giống người bóc lột và giống người bị bóc lột" (báo Le Paria, số 25 tháng 5 năm 1924) và "Chỉ có hai loại người: Thiện và Ác".

Trong bài "*Phong trào cách mạng ở Ấn Độ*" đăng trên tạp chí Cộng sản bằng tiếng Pháp, số 18 - 19 tháng 8, 9 năm 1921, Nguyễn Ái Quốc viết: "Thảm hoạ của đất nước đã xoá bỏ sự phân biệt đẳng cấp và tôn giáo, người giàu, người nghèo, quý tộc và nông dân, Hồi giáo và Phật giáo đều hiệp sức đoàn kết".

---

(1) A.V.Rehukôv, Chiến lược và chiến thuật của Quốc tế Cộng sản, bản tiếng Nga, Chính trị, M.1978, tr.145 - 147.

Trong năm 1924, tại Mát-xcơ-va, Nguyễn Ái Quốc đã được mời đến giảng tại một lớp học của những người cộng sản Đức, văn bản đã được nhà sử học Pháp Alain Ruscio công bố dưới đề mục *"Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ"*[1]. Người đọc báo cáo này được đánh giá là "một người am hiểu sâu sắc chủ nghĩa Mác và thực tế lịch sử Việt Nam trong quá khứ và hiện tại..." Nguyễn Ái Quốc nói: "Cuộc đấu tranh giai cấp (ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) không diễn ra giống như ở phương Tây".

Tại sao vấn đề đấu tranh giai cấp - "hòn đá tảng để phân biệt những người cách mạng chân chính hay cơ hội", "là động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng" như Mác - Lê-nin đã nêu, lại "không diễn ra ở phương Đông, ở Việt Nam, giống như phương Tây"? Nguyễn Ái Quốc, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, với một tư duy độc lập, nhằm mục đích cao nhất là tìm ra một phương pháp tối ưu, phù hợp với Việt Nam để giải phóng dân tộc, đã lập luận rằng: "Xã hội Đông Dương về mặt cấu trúc kinh tế không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời Cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó (ở Đông Dương, Việt Nam) không quyết liệt như ở đây (ở châu Âu)".

"Chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng ở đó (ở Đông Dương). Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được"[2].

---

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr. 67 - 469.

(2) Theo tài liệu của Viện Phương Đông Liên Xô năm 1976: "Đối với Mác là vào năm 1861, với Ăng-ghen là năm 1883, tiếp đó là 1895 mới có được những thông tin đại cương về xứ Tông-kanh (Bắc Kỳ - Việt Nam) và Cô-chanh-sin (Nam Kỳ -Việt Nam). Lê-nin đã đề cập tới Đông Dương bốn lần: lần đầu vào năm 1905. Năm 1916, Lê-nin viết: "Những dân tộc ít người bị chủ nghĩa đế quốc đè nén đã nêu gương nổi dậy trong các nước thuộc địa, trong đó có xứ An Nam thuộc Pháp".

Nguyễn Ái Quốc nói tiếp: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại".

Ở đây ta có thể thấy tư duy của phương Đông, của Việt Nam (mà Nguyễn Ái Quốc là một đại diện), khác với châu Âu. Triết học ở phương Tây thiên về lý, duy lý, có lúc đơn thuần, duy nhất, cực đoan. Ở Việt Nam có một triết lý khác: Có cả lý và tình. Trong cái xấu còn có thể tìm ra cái tốt, ở cái mạnh vẫn bộc lộ điểm yếu, trong âm có dương...

Nguyễn Ái Quốc dẫn ra lý luận của Mác: "Sự tiến triển của xã hội trải qua 3 giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản và trong mỗi giai đoạn ấy đều có đấu tranh giai cấp tuy có khác nhau". Nhưng Nguyễn Ái Quốc lại cảnh báo: "Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua 2 giai đoạn đầu không?"

Rồi Nguyễn Ái Quốc kết luận là cần "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông".

Nguyễn Ái Quốc không phủ nhận "Đấu tranh giai cấp" ở châu Âu theo chủ nghĩa Mác, mà suy tính vận dụng chủ nghĩa Mác vào Việt Nam như thế nào để cách mạng Việt Nam giành thắng lợi.

Trên thực tiễn, ở Việt Nam "Chủ nghĩa dân tộc còn là động lực lớn nhất của đất nước". Từ quá trình lịch sử hình thành dân tộc Việt, người Việt từ xa xưa đã có một tinh thần dân tộc cao, biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, đoàn kết chặt chẽ chống thiên tai, ngoại xâm. Từ đó nẩy sinh ra tình yêu nước, thương dân cao cả. Hồ Chí Minh đã từng nói: "Hễ là người Việt Nam, ai cũng có lòng yêu nước".

Tình yêu nước ấy gắn bó tất cả những người Việt, những cộng đồng các dân tộc chung sống với dân tộc Việt trên đất Việt Nam thành một thành viên chung được gọi là "đồng bào". Hồ Chí Minh định nghĩa đồng bào "nghĩa hẹp là gia đình, anh em họ hàng, bạn bè, nghĩa rộng là đồng bào cả nước, rộng hơn nữa là cả loài người"[1].

Theo mạch tư duy riêng của mình, Hồ Chí Minh không định nghĩa "cách mạng" theo cách châu Âu là "biến đổi bất ngờ và táo bạo trong cơ cấu kinh tế xã hội", là "khởi nghĩa", "nổi dậy", "nổi loạn", "bước ngoặt cơ bản, bước nhảy vọt bất ngờ từ một tình trạng chất lượng này sang một chất lượng khác", "cuộc biến đổi lớn thông qua đấu tranh giai cấp..." Trên cơ sở thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh đã định nghĩa ngay từ năm 1927 - trong *Đường kách mệnh*: "Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt". Như vậy, làm cách mạng ở Việt Nam đâu nhất thiết theo cách hiểu của phương Tây?

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chủ trương ở nước Việt Nam bị đô hộ, vấn đề trước hết là phải nêu cao chủ nghĩa yêu nước, đoàn kết dân tộc, đoàn kết mọi giai cấp có thể đoàn kết được để giải phóng dân tộc, chứ chưa phải và không phải là đấu tranh giai cấp chống địa chủ, tư bản tràn lan. Có giải phóng được dân tộc mới có điều kiện giải phóng được giai cấp nông dân, công nhân. Quan điểm này đã khiến Quốc tế Cộng sản và nhiều học trò, đồng chí của Nguyễn Ái Quốc không tán thành, ủng hộ, và cho rằng Nguyễn Ái Quốc coi nhẹ đấu tranh giai cấp, là cải lương, dân tộc chủ nghĩa, khiến cho Nguyễn Ái Quốc đã từng trở thành một "lữ hành cô đơn" (câu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp). Nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ quan điểm của mình.

---

(1) Hồ Chí Minh. Toàn tập, Sđd, tập 5, 7.

Trong sách *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, ký tên X.Y.Z, Hồ Chí Minh đã nhắc cán bộ rằng: "Nghe người ta nói giai cấp đấu tranh mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng"(1). Tiếp đó, trong bài "*Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*" ký tên X.Y.Z, đăng trên tờ *Sinh hoạt nội bộ*, Ban chấp hành liên chi khu bộ tái bản năm 1950(2), Hồ Chí Minh viết: "Trong lúc cần toàn dân đoàn kết mà chủ trương giai cấp đấu tranh là một điều ngu ngốc. Việc gì cũng phải đúng với địa điểm, điều kiện, và thì giờ mới thành công". Ba điều đúng (địa điểm, điều kiện, thời cơ) đó chính là thực tiễn - thực tiễn Việt Nam.

Hồ Chí Minh viết tiếp: "Chính sách mà Đảng cách mạng lập ra trên sự cần kíp của xã hội, trên lực lượng chính của sự phát triển xã hội chứ không phải lập ra trên những lý luận mênh mông".

Đi từ thực tiễn Việt Nam, đối chiếu với chủ nghĩa Mác, theo "Luận cương của Lê-nin về vấn đề thuộc địa", Hồ Chí Minh có lần giải thích rằng "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Việt Nam là đại đoàn kết". Đại đoàn kết tất cả các giai tầng xã hội, theo Hồ Chí Minh không phải là "đoàn kết vô nguyên tắc", mà chỉ đoàn kết những người "yêu nước, phụng sự Tổ quốc", không đoàn kết với những kẻ phản bội Tổ quốc, "những kẻ tham ô, tham nhũng".

Trong mối quan hệ giữa công nhân và tư bản, Hồ Chí Minh không nêu lên vấn đề "đấu tranh giai cấp như kiểu phương Tây" mà vận dụng một phương pháp "đấu tranh

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 5, 7.
(2) Tài liệu lưu trữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

giai cấp Việt Nam" là "công, tư đều được chiếu cố, chủ và thợ đều có lợi"[1]. Để tước bỏ quyền sở hữu ruộng đất trong điền chủ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương giảm tô tức, chia ruộng đất của phản động, ruộng đất bỏ hoang cho dân cày, vận động các diên chủ hiến ruộng cho chính phủ. Cuộc cải cách ruộng đất, "đấu tranh giai cấp giữa nông dân và địa chủ ở Việt Nam" diễn ra trong những năm 1953 - 1955 đã bị phê phán là "máy móc, dập khuôn trong vận dụng kinh nghiệm của Trung Quốc"[2], "phạm khuyết điểm mang tính chất giáo điều", "lẽ ra có thể giải quyết vấn đề ruộng đất và quyền lợi của nông dân bằng những cách khác như ta đã làm như chia ruộng đất của chủ tư bản Pháp và Việt gian phản động, chia công điền, công thổ cho nông dân, thực hiện giảm tô, giảm tức... để tập trung nguồn lực chống đế quốc". Chữ "ta" trong câu kết luận này, có thể hiểu là đường lối, chính sách của Đảng, trong đó có sự tham gia ý kiến, chủ trương của Hồ Chí Minh.

Trong "cải tạo công thương nghiệp tư doanh" trên miền Bắc, sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất, Hồ Chủ tịch đã nói trong một hội nghị cán bộ cao cấp rằng: "Không nên coi tư sản dân tộc là đối tượng cách mạng, mà nên coi họ là đồng minh".

Nguyễn Ái Quốc đã từng vận dụng "đấu tranh giai cấp" ở Pháp, ở Hoa Nam, ở Xiêm trong đồng bào người

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 7.

(2) Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và bài học, NXB Chính trị quốc gia, 1996, tr.216. 222.

Thật ra từ năm 1936, Trung ương Đảng Cộng sản đã nghi ngờ rằng: "ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc". Văn kiện Đảng, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr.74.

Việt Nam. Năm 1941, sau 30 năm học tập lý luận, đối chiếu thực tiễn, qua kinh nghiệm hoạt động của bản thân, với những luận điểm riêng của mình đã được Quốc tế Cộng sản chấp nhận bước đầu qua Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã trở về Việt Nam với đầy đủ kinh nghiệm để thực hiện "đại đoàn kết". Người viết trên tờ báo *Việt Nam độc lập* rằng: "Lực lượng chúng ta là ở chỗ đoàn kết, đoàn kết toàn dân, đoàn kết đàn ông, đoàn kết đàn bà, người già, trẻ con, đoàn kết người làm ruộng, làm thợ, đi buôn, người làm việc cho Tây, người đi lính cho Tây", "không phải đoàn kết nhất thời mà đoàn kết mãi mãi".

Đại đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - một vận dụng sáng tạo "đấu tranh giai cấp" của chủ nghĩa Mác ở Việt Nam, đã tập hợp, đại hoà hợp được tất cả con Rồng, cháu Tiên, nông dân, công nhân, trí thức, đại tư sản, quan lại, con vua cháu chúa, binh sĩ, lính ta, quan Tây cũ, công chức chính quyền Pháp của trên 50 dân tộc anh em... theo đạo Phật, đạo Thiên chúa, Cao Đài, Hoà Hảo, Hồi giáo..., nghĩa là gần như tất cả những người dân yêu nước, chỉ trừ những kẻ phản quốc, Việt gian, kẻ chống lại Tổ quốc, dân tộc. "Đại đoàn kết ấy thực sự là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam"[1].

Là một di sản quốc bảo của Hồ Chí Minh, của Tổ quốc ta, dân tộc ta, bài học về đại đoàn kết, đấu tranh giai cấp này mãi mãi vẫn là một nhân tố quyết định đồng hành với thắng lợi của đất nước ta, trong thế kỷ mới. Đối với một số quốc gia dân tộc nào đó, di sản này còn có thể là một phương án tham khảo tích cực.

---

(1) Phát biểu của đồng chí Đỗ Mười tại lễ kỷ niệm 65 năm thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, báo Nhân dân 9-11-1995.

NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI BÀI HỌC GIÁO ĐIỀU, TẢ KHUYNH TRONG QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM(*)

Hiện tượng tư tưởng tả khuynh diễn ra trong quá trình cách mạng Việt Nam có nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan và lịch sử.

Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên, đảng viên cộng sản đầu tiên trong phong trào công nhân và cộng sản quốc tế công bố những suy nghĩ độc lập của mình về chủ nghĩa Mác. Vào năm 1924, Nguyễn Ái Quốc không coi chủ nghĩa Mác là một bộ kinh tôn giáo hàng ngày tụng niệm, nhất nhất tuân theo ở bất cứ đâu, trong bất cứ hoàn cảnh nào. Chính C. Mác và Ph. Ăng-ghen trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" cũng đã viết: "Bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tuỳ theo hoàn cảnh, lịch sử đương thời."

Trong "Báo cáo trình bày trước Đại hội liên bang Nga lần thứ hai của các dân tộc phương Đông" đăng trong tập san của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Nga, số 9 ngày 26 tháng 12 năm 1919, Lê-nin nói: "Trong khi dựa vào lý luận và thực tiễn phổ biến của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với

(*) *Tạp chí Lịch sử Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh, 4-2004.*

những điều kiện đặc biệt là các nước châu Âu không có, vừa phải học tập vận dụng lý luận và tuyên truyền vào nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân, nơi mà vấn đề là không phải đấu tranh chống tư bản, mà là đấu tranh chống những tàn dư thời Trung cổ".

Tại phiên họp lần thứ 8 Đại hội V Quốc tế Cộng sản vào ngày 23 tháng 6 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra cho Quốc tế Cộng sản thấy họ chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng của Lê-nin về vấn đề thuộc địa. Người tuyên bố "sẽ tận dụng mọi cơ hội có được sẽ gợi ra những vấn đề và nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa"(1). Các "đồng chí" đây là những nhà cách mạng chuyên nghiệp, nhà lý luận, những người đã lãnh đạo công nhân, binh lính Nga làm nên Cách mạng tháng Mười Nga, đánh lui quân đội hơn 20 nước định bóp chết nhà nước Nga non trẻ... Vì vậy, dưới con mắt của họ, một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, chưa từng qua cấp uỷ lãnh đạo, quê ở Đông Dương - một xứ sở mà họ còn ít biết đến - dám nói những câu ấy, thực sự đã làm họ không bằng lòng, kể cả những nhà cách mạng cũng ở phương Đông. Sự mất lòng này, thực chất là do họ thiếu thông tin, ít hiểu biết về vấn đề thuộc địa. Chính M. Tô-rê, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp phải thừa nhận rằng: "Trong những năm 1924 - 1925, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người duy nhất có đủ trình độ để tư duy về vấn đề (thuộc địa) đó"(1). "Hồ Chí Minh đã chứng minh rằng ai nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, coi đó như là một phương hướng chứ không phải là một công thức giáo điều... sẽ giành thắng lợi"(2).

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 1995; tr.273.
(1) (2) Miguel A.D'Estefano, JoseM.Galago, Chúng bắt đầu bằng việc chém giết, NXB José Marti, Cu-ba, 1990, bản tiếng Việt của NXB Thông tin lý luận, Hà Nội, 1999, tr.86, 91.

Tư duy độc lập của Nguyễn Ái Quốc còn được thể hiện rất khéo léo (nhằm không gây nên sự phản đối của Quốc tế Cộng sản) trong các *Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, được Hội nghị thống nhất các tổ chức đảng thông qua với tính chất như một chính cương của Đảng.

Những bản dịch các văn kiện này sang tiếng Anh, Pháp, Nga đến với Quốc tế Cộng sản đã không được đa số uỷ viên trong Ban Chấp hành ủng hộ, nhất trí với những luận điểm "tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung"...

Theo nhận định của một số Uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc được coi như một người chịu ảnh hưởng "chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi", chệch hướng đấu tranh, đoàn kết cả với tư sản, có vấn đề tư tưởng về đấu tranh giai cấp... trái với những luận điểm của Stalin.

Quốc tế Cộng sản đã ra nghị quyết đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, giao trách nhiệm cho Trần Phú, một trong những học trò của Nguyễn Ái Quốc đã theo học tại trường Đại học Phương Đông về Trung Quốc, triệu tập Đại hội Đảng với những tài liệu cơ bản do Quốc tế Cộng sản đã chuẩn bị.

"Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương" (dự án để thảo luận trong Đảng) tại Trung ương toàn thể hội nghị tháng 10 năm 1930, đã phê phán "Hội nghị hợp nhất đã không lấy một nền chính trị cộng sản..., đã mắc phải "sai lầm về điều lệ và tên Đảng", cần phải thủ tiêu chính cương, sách lược và điều lệ cũ của Đảng mà phải thực hành công việc cho đúng như án nghị quyết và thư chỉ thị của Quốc tế Cộng sản"[1]. Việc

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2 (1930), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.108

phê phán này còn kéo dài cho đến các năm sau, mà cụ thể là một nghị quyết đảng yêu cầu Nguyễn Ái Quốc, tức đồng chí Lin phải làm một bản tự kiểm điểm sâu sắc về tư tưởng "quốc gia", "cải lương" của mình.

Tư tưởng giáo điều tả khuynh này đã được nhanh chóng sửa chữa tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (ngày 29 tháng 7 năm 1935). Ở Việt Nam, trong chỉ thị thành lập Hội Phản đế đồng minh Đông Dương ra ngày 1 tháng 11 năm 1930, Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ rõ tính chất "biệt phái" của phong trào, nếu "không tổ chức toàn dân lại thành một lực lượng thật rộng, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công".

Tư tưởng đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc - không tả khuynh - không hữu khuynh, về giai cấp - dân tộc, quốc gia - quốc tế đã được thực tiễn kiểm nghiệm trong những năm 1936 - 1939, trước nguy cơ của phát xít Đức sẵn sàng tấn công Liên Xô, nô dịch thế giới.

Tháng 2 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, sau gần 30 năm lao động, học tập, đấu tranh thực tiễn, suy ngẫm chín muồi về con đường và phương pháp giành độc lập cho dân tộc. Tất cả những gì là tinh hoa của tư duy độc lập, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện rõ ràng trong thư *Kính cáo đồng bào*, trong *Mười chính sách của Việt Minh* và trên một trăm bài viết cho báo *Việt Nam độc lập*. Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8, đã thành lập Mặt trận Việt Minh - một tổ chức cách mạng đoàn kết rộng rãi bất cứ gái, trai, già, trẻ, sang, tiện (nghèo), người làm cho Tây, người đi lính cho Tây "dù trước kia tham gia bất kỳ đảng phái nào, nay vào Hội cứu quốc"... để đánh đuổi Nhật - Pháp.

Mặt trận Việt Minh đã tập hợp được "trí, phú, địa, hào", mọi tầng lớp nhân dân, các dân tộc trong nước, ở

nước ngoài vào trong đội ngũ của mình, vững vàng tránh được những cuộc khởi nghĩa non, duy trì tổ chức lại cuộc khởi nghĩa ấy, lập nên Khu Giải phóng, tổ chức các đội vũ trang, chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện và đã chọn đúng thời cơ - không thể sớm hơn hoặc muộn hơn vài ngày - để lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa thắng lợi. Một nước Việt Nam dân chủ cộng hoà mới ra đời không phải là một nhà nước Xô viết công nhân, binh lính, rồi công - nông - binh, một chính quyền vô sản chuyên chính. Trong chính phủ đầu tiên của Cụ Hồ, số lượng đảng viên giữ chức vụ bộ trưởng ít hơn so với các thành phần xã hội khác xuất thân là trí thức, tư sản, quan lại Nam triều, chính quyền Pháp cũ. Chính phủ ấy với hòn đá tảng là "Đoàn kết, đại đoàn kết", tự lực cánh sinh, độc lập hành động, không chịu tác động của bất cứ phía nào đã đưa con thuyền Việt Nam thoát khỏi ghềnh thác những năm 1945 - 1946, tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp vững vàng từng bước để giành thắng lợi to lớn.

Ngày 16 tháng 7 năm 1947, trả lời một nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh đã nói: "Chúng tôi không chủ trương giai cấp tranh đấu vì một lẽ tầng lớp tư sản Việt Nam đã bị kinh tế thực dân dè nén không cất đầu lên được, khiến cho kinh tế Việt Nam đã bị tiêu diệt, dân cùng, tài tận. Trái lại chúng tôi chủ trương làm cho tư bản Việt Nam phát triển"(1).

Năm 1949, nước bạn lớn phía Bắc, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được thành lập. Năm 1950, quân ta chiến thắng trong Chiến dịch Biên giới, mở ra thắng lợi mới đồng thời du nhập một nguy cơ giáo điều tả khuynh mới.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.169.

Để đấu tranh cho nhân dân có ruộng cày, Hồ Chí Minh chủ trương vận động địa chủ hiến điền, mua lại ruộng đất của họ, đặc biệt là nêu tên các địa chủ đã hiến điền. Ngày 1 tháng 6 năm 1949, Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ đạo: "Nên dứng danh nghĩa Uỷ ban Kháng chiến hành chính nhà nước tiếp nhận. Tổ chức lễ tiếp nhận thật dàng hoàng, mời các vị thân sĩ, địa chủ, quân đội, dân nghèo tới dự. Các địa chủ hiến nhiều hay ít đều nên khen"(1).

Bị thúc giục đấu tranh chống giai cấp địa chủ ở Việt Nam, Bác Hồ đã viết bài báo *"Đất và Nước"* đăng trên tạp chí *Vì một nền hoà bình lâu dài, vì một nền dân chủ mới,* ký tên Lê Đình vào năm 1952, giới thiệu tình hình "Việt Nam đã giảm tô, giảm tức đang cần đoàn kết dân để kháng chiến chống Pháp". Đây là một phương sách trì hoãn. Nhưng cũng không thể trì hoãn mãi. Và năm 1953, lại tiếp tục một tả khuynh nữa ở Việt Nam.(1)

Sai lầm về cải cách ruộng đất đã được Bác, Đảng ta nhận lỗi trước nhân dân. Tuy có kết quả thắng lợi, nhưng bị thất thoát nhiều đảng viên, quần chúng cách mạng, cơ sở đảng, chính quyền.

Tiếp đó, cuộc cải cách thương nghiệp, cải tạo tư sản ở miền Bắc trong những năm sau hoà bình, trong kháng chiến chống Mỹ và tại miền Nam sau năm 1975, cũng là do con bệnh tả khuynh trỗi dậy.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, toàn tập, lập 10, NXB Chính trị quốc gia.

(1) Thực tế xã hội Việt Nam năm 1953: Địa chủ chiếm 2,3% dân số, chiếm 18% ruộng đất; Phú nông chiếm 1,6% dân số, chiếm 4,7% ruộng đất; Trung nông chiếm 36,5% dân số, chiếm 39,2% ruộng đất; Ruộng công chiếm 4,3%; Ruộng nhà thờ chiếm 1,3%; Ruộng của các thành phố khác chiếm 1%; Theo sách Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 3, NXB Quân đội nhân dân, 1997, tr.98.

Ngay từ trước khi "cải tạo công thương nghiệp", trong một hội nghị Bộ Chính trị, Bác đã nói (thực ra Bác đã nói từ năm 1930): "Không nên coi tư sản dân tộc là đối tượng cách mạng, mà nên coi họ là đồng minh". Lê-nin cũng từng nói: "Đối với người sản xuất nhỏ, tiểu tư sản không thể tống cổ họ đi được mà phải ăn ở thuận hoà với họ". Từ năm 1913, trên báo *Sự thật* số 113, ngày 1 tháng 5, Lê-nin đã viết "Giai cấp tư sản ở châu Á hãy còn đi với nhân dân để còn chống lại thế lực phản động".

Trên thực tế, trong cuộc cải tạo này, "ta cũng phạm phải một số sai lầm như đồng nhất cải tạo với xoá bỏ các thành phần kinh tế cá thể, xoá bỏ tư hữu. Đó là do ta không nắm vững các quy luật kinh tế của thời kỳ quá độ, còn do tư tưởng chủ quan, nóng vội, dẫn đến gò ép, không tạo ra được động lực thật mạnh mẽ để thúc đẩy sản xuất phát triển"[1].

Ở miền Nam, "Sau giải phóng, do sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, tình hình chúng ta cuối những năm 1979 và đầu năm 1980 vô cùng khó khăn"[2], "Sau những đợt cải tạo ồ ạt cả tư sản mại bản, tư sản, tư thương và cả tiểu thương, tình hình xã hội trở nên rối ren. Sản xuất bị giảm sút, xe cộ không lưu thông được vì thiếu xăng. Máy móc thiếu phụ tùng thay thế, nhà máy thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, hoạt động cầm chừng. Lực lượng sản xuất, tiểu chủ về nông thôn nói là để phát triển sản xuất nhưng thiếu nông cụ, không có nhà trường, trạm y tế, phương tiện sinh sống nên lại kéo về thành phố. Cán bộ, công nhân, viên chức sống nhờ tem phiếu"[3].

---

(1) Lê Mậu Hãn (chủ biên), Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư, Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 3, 1945-1995; chương "Cải tạo xã hội chủ nghĩa 1958-1960", tr.148 - 149.

(2) Nguyễn Văn Linh, hành trình cùng lịch sử, NXB Trẻ, 1999, tr.98.

(3) Sđd tr.104.

Chỉ nêu lên một số việc chính cho thấy Đảng ta đã trải qua mấy lần giáo điều tả khuynh, mỗi lần đều đem đến ít nhiều không phù hợp, thành công ít hoặc không thành công, có ý kiến cho là "thất bại".

Xu hướng nhiễm bệnh tả khuynh ở Việt Nam trong quá trình cách mạng tiến lên những bước mới có thể là điều không tránh khỏi. Nhưng với trí tuệ của dân tộc ta, của những người lãnh đạo, chúng ta đã nhận ra sai lầm mỗi khi bị tả khuynh, khẩn trương tìm cách hạn chế, sửa chữa, khắc phục nhanh chóng hậu quả, ổn định tình hình. Và những khi phải trả "học phí" quá đắt đó đã dạy chúng ta những bài học nhớ đời.

Năm 1990, nhà sử học Pháp Alain Ruscio đăng bài "*Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, chân dung một người Bôn-sê-vích vàng*" trên *Tạp chí Cộng sản* (Pháp) số 28. Thông thường phương Tây và không ít người ở châu Á, thường lấy màu đỏ để nói đến những đảng viên cộng sản. Nhưng theo A. Ruscio từ tháng 12 năm 1922, trên tờ báo *Le Paria*, một người bạn của Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Thế Truyền đã sớm nhận ra cái chất cộng sản riêng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc là "một người Bôn-sê-vích vàng"(1).

Với D.Héméry, Nguyễn Ái Quốc được mệnh danh là người đã hoà hợp được "Chủ nghĩa cộng sản dân tộc"(2).

Có một điều, không ít người băn khoăn tự hỏi: Dân tộc ta, đất nước ta, nền văn hiến Việt Nam đã sản sinh ra một Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, một người đã

(1) A.Ruscio, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh - một người Bôn-sê-vích vàng, bản dịch từ tiếng Pháp của N.V.K. đăng trên tạp chí Lịch sử quân sự, số 1, 2-1990.

(2) D.Hemery, Đông Dương - cuộc đó hộ nhập nhằng, P.1995, tr.304, bản tiếng Pháp.

sớm biết tư duy độc lập, sáng tạo, đã tìm ra một con đường, một phương pháp giải phóng dân tộc Việt Nam, đã sớm báo động về những khuynh hướng tả, hữu, một hồng phúc của dân, của nước, của Đảng. Vậy mà vì lý do nào để chúng ta chậm biết, chậm hiểu, thậm chí có lúc làm chưa đúng theo tư tưởng của Người?

Chính vì gắn liền lý luận với thực tiễn mà Nguyễn Ái Quốc có một nhận thức "mở" về chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Việt Nam. Căn cứ trên thực tiễn xã hội Việt Nam, nhiệm vụ hàng đầu trước hết là giải phóng dân tộc. Nguyễn Ái Quốc đã chủ trương "đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân" để đánh đổ thực dân, đế quốc giành chính quyền song song với việc đấu tranh từng bước, đấu tranh với một phương pháp riêng đặc thù của đất nước để giải quyết vấn đề giai cấp. Hồ Chí Minh phản đối những người cách mạng coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là kinh thánh chứ không phải kim chỉ nam hành động. Người nói "vì vậy họ chỉ học thuộc ít câu của Mác - Lê-nin loè người ta". Hồ Chí Minh phê bình một số đồng chí nhầm mắt, mở "kinh sách" ra mà làm không biết đối chiếu với thực tiễn. Người chỉ ra rằng, hai khuynh hướng đó đều sai lầm, sai lầm nhất là giáo điều vì cứ lấy từng câu, từng chữ của "kinh thánh" Mác - Lê-nin ra để làm cho người ta hiểu lầm.

Hồ Chí Minh đã từng nói: Làm rập khuôn theo Liên Xô chưa hẳn đã là mác xít. Học bạn là học cái tốt, cái hay, có thể ứng dụng hay, tốt vào Việt Nam chứ không thể thấy người ta làm gì cũng làm theo. Người đã có lần nói "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không dạy người ta nơi nào cũng phải lập Xô viết. Điều mà Người dạy ta lớn hơn hết là luôn kết hợp lý luận với thực tiễn, đem chủ

nghĩa Mác - Lê-nin vận dụng một cách có sáng tạo vào hoàn cảnh nước ta"[1].

Phải chăng bài học lớn nhất rút ra từ những khúc ngoặt giáo điều, tả khuynh trên là "Chừng nào, lúc nào, nơi nào, ai đó theo đúng tư tưởng, phương pháp Hồ Chí Minh sẽ giành được thắng lợi"[2]. Phương ngôn Nga có câu: "Muộn còn hơn không". Quá khứ đã là quá khứ nhưng sự thật của quá khứ dù có đau xót vẫn còn giá trị hơn là một sự huênh hoang, giả tạo, vẫn rất cần, rất có ích cho hiện tại và mai sau.

(1) Trường Chinh, Hồ Chủ tịch, người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta, (bài viết năm 1951) trong Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, tác phẩm chọn lọc, tập I, NXB Sự thật, tr.184.

(2) Lê Duẩn - một nhà lãnh đạo lỗi lạc, NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr.559. "Bài học lớn nhất là Đảng ta phải độc lập suy nghĩ giải quyết các vấn đề cách mạng Việt Nam trên cơ sở đánh giá đúng đắn tình hình thực tế của cách mạng Việt Nam, nhưng lúc nào ta quên điều đó, học tập một cách giáo điều kinh nghiệm nước ngoài là lúc đó cách mạng ta gặp khó khăn" (Lê Duẩn).

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG CỦA "LỮ HÀNH CÔ ĐƠN" NGUYỄN ÁI QUỐC (1934 1938)(*)

Trở lại và sống trên đất nước của Lê-nin vào những năm 1934 - 1938, Nguyễn Ái Quốc đã biết trước những khó khăn, trở ngại trong hoạt động, học tập và công tác của mình, do một số quan điểm chưa thống nhất được với Quốc tế Cộng sản, với Stalin đứng đầu.

Từ những năm 1924, xuất hiện "Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ" trong đó Nguyễn Ái Quốc đã trình bày một số nhận xét riêng của mình trái với suy nghĩ thông thường (giáo điều?) của các nhà lãnh đạo phong trào cộng sản đương thời.

Nguyễn Ái Quốc đã "đụng chạm" đến một số người lãnh đạo Quốc tế Cộng sản khi cho rằng: "Xã hội Ấn Độ, ChiNa (Đông Dương) không giống các xã hội phương Tây, cuộc đấu tranh giai cấp ở đó (Đông Dương) không quyết liệt như ở đây (phương Tây). Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại". Nguyễn Ái Quốc nêu dề nghị: "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông", rồi lại còn phân công: "Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô viết

(*) *Nội san tư liệu, Bảo tàng Hồ Chí Minh, 5-2005.*

đảm nhiệm". Trong khi mọi người đều nói và viết rằng "đấu tranh giai cấp là một hòn đá tảng để xem xét một đảng viên, một đảng", là "động lực phát triển xã hội", Nguyễn Ái Quốc lại nêu "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn nhất của đất nước".

Tiếp theo đó với lòng yêu nước mãnh liệt, bị thúc bách trước sự đau khổ của dân tộc, sự đàn áp của đế quốc thực dân, trước lại do vốn hiểu biết về thuộc địa của các Uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản còn hạn chế, tại phiên họp thứ 8 Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (Mát-xcơ-va), Nguyễn Ái Quốc đã dùng những từ ngữ theo một số nhà sử học - là nặng nề, thậm chí là "một quả bom".

Nguyễn Ái Quốc với tuổi đời ngoài 30, tuổi Đảng trên dưới con số 10 - là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, công dân của một xứ Anh-đô-ki-tai còn quá mới mẻ với Stalin và các nhà lãnh đạo của các đảng công nhân cộng sản quốc tế đã "thẳng thắn" phê bình họ.

Nguyễn Ái Quốc nói: "Tôi thấy rằng hình như các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng...", vì vậy "Tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được, sẽ gợi ra những vấn đề và nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa".

Cụm từ "các đồng chí" mà Nguyễn Ái Quốc dùng là để chỉ ai? Đó là những đại biểu ưu tú của Đảng Cộng sản toàn thế giới, là những nhà chính trị, nhà lý luận nổi tiếng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là những lãnh tụ cộng sản. Hơn thế nữa, "các đồng chí" này đến dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản để bàn về "Những bài học kinh nghiệm về đấu tranh giai cấp, chứ không bàn đến vấn đề thuộc địa[1].

(1) Từ điển Bách khoa Xô viết, tiếng Nga, NXB Bách khoa Xô viết, M, 1986, tr.612.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã đặt đúng một vấn đề mới - nhưng có thể lại là "lạc đề" và "đụng chạm" vào ai nhất? Vào Stalin, vì Stalin đã bãi bỏ chính sách kinh tế mới của Lê-nin, chủ trương đấu tranh và xoá bỏ các giai cấp, kể cả tầng lớp nông dân.

Dù Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu "các đồng chí thứ lỗi về sự mạnh bạo của tôi, nhưng tôi có cảm tưởng là các đồng chí ấy muốn dánh rắn dằng đuôi", "thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng. Thế mà các đồng chí lại khinh thường thuộc địa".

Đến phiên thứ 22, cũng trong Đại hội V này, tuy lời lẽ có phần nhẹ nhàng hơn, nhưng ý tứ lại nặng nề hơn khi Nguyễn Ái Quốc nói: "Vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lê-nin nên chúng ta cần tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lê-nin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa". Nói như vậy, trong khi biết chắc chắn là các Đảng Cộng sản Pháp, Anh, Liên Xô... và Quốc tế Cộng sản "chưa sẵn sàng" về hiểu biết thực tiễn vấn đề thuộc địa, chưa có chủ trương, nghị quyết gì về vấn đề này thì có thể hiểu là nói rằng các đồng chí không phải là học trò của Lê-nin.

Đến phiên thứ 25, ngày 3 tháng 7 năm 1924, sau khi đã "giới thiệu", "cung cấp" những thông tin khá đầy đủ về các nước thuộc địa ở châu Á, châu Âu, châu Phi... "để thức tỉnh" (thuyết phục) các đại biểu, Nguyễn Ái Quốc kết luận - coi như một đề nghị, hơn thế nữa một đề nghị có tính chất quyết nghị là "Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ (thuộc địa) tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng"[1].

(1) *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, Sđd, tr.289.*

Những "góp ý", "phê bình" của Nguyễn Ái Quốc không phải, không thể không được Quốc tế Cộng sản quan tâm. Các đảng, nhất là Đảng Cộng sản Pháp, sau đó đã có nhiều động thái về vấn đề thuộc địa nói chung và riêng về thuộc địa Đông Dương, cho dù con đường đi ấy cho đến năm 1945 - 1946 không phải là không còn khúc ngoặt.

Chưa hết! Năm 1930, khi thống nhất ba tổ chức cộng sản Việt Nam, theo báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản, trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng* tuy là của Hội nghị - như một Đại hội - thông qua chứ không phải là "tác phẩm" của Nguyễn Ái Quốc, mặc dù đã nêu "Đảng là đội tiền phong của vô sản giai cấp", "Tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp đấu tranh", nhưng các nhà lý luận, cán bộ của Quốc tế Cộng sản cũng đọc được những câu như "Tư bản bản xứ không có thế lực gì, ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc". "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông..., còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng... làm cho đứng trung lập... Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản với vô sản bậc trung..."

Những Chánh cương, Sách lược, Chương trình, Điều lệ dù "vắn tắt" cũng đã cho thấy rõ là Đảng Cộng sản Việt Nam đi khác con đường của các Đảng Cộng sản châu Âu, kể cả Liên Xô. Điều này đã làm cho Quốc tế Cộng sản không bằng lòng và thể hiện rất rõ trong "án nghị quyết tháng 10 năm 1930" của Trung ương toàn thể Đại hội.

Sau khi nhận xét: "Hội nghị hợp nhất (tháng 2 năm 1930) kế hoạch không xác dáng, lại không lấy một chánh trị cộng sản", "vấn dê thuộc địa không rõ ràng và có chỗ không đúng như chia dịa chủ làm đại, trung và tiểu địa chủ, còn bọn tư sản không đi một phe với mình được, không thể lợi dụng chúng nó được", Hội nghị đã quyết định: "Thủ tiêu Chánh cương, Sách lược và Điều lệ cũ..., thực hành cho đúng án nghị quyết và thơ chỉ thị của Quốc tế Cộng sản"(1).

Nguyễn Ái Quốc biết rõ "Thư chỉ thị của Quốc tế Cộng sản" và nội dung chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản đối với Đảng Cộng sản Việt Nam thực chất là buộc Đảng Cộng sản Việt Nam đi cùng với Quốc tế Cộng sản trong đấu tranh giai cấp, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương có nghĩa là phê bình, phản đối những Chánh cương, Điều lệ, Sách lược ngày 3 tháng 2 năm 1930 của hội nghị hợp nhất có tính chất như một Đại hội Đảng (Trong khi Hội nghị Trung ương tháng 10 không phải là một dại hội đại biểu toàn Đảng).

Nhưng Nguyễn Ái Quốc thông cảm với bạn chiến đấu, đồng chí, học trò của mình. Trong tình hình thế giới, trong nước, nội bộ Đảng lúc đó..., cách ứng xử tốt nhất là phục tùng Quốc tế Cộng sản, nhẫn nhịn, chờ đợi thời gian, chờ đợi chân lý. Đó là một thời điểm mà một nữ tiến sĩ sử học Mỹ đã phát biểu trong kỷ niệm 100 năm ngày sinh Hồ Chí Minh tại Hà Nội (1990) là: "Nguyễn Ái Quốc đúng trong khi mọi người sai. Nguyễn Ái Quốc thức trong khi mọi người đang ngủ"(2).

---

(1) Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2, 1930, NXB Chính trị quốc gia, 1998, tr. 108, 109, 113.

(2) Jo Sephine Sténon, International Symposium on Ho Chi Minh, VietNam courier, H, 1990, p, 244 - 248.

Khi Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát Anh bắt giam tại Hồng Kông - qua những tài liệu đến nay biết được, ngoài sự giúp đỡ của luật sư Lô-dơ-bai, của các bạn Pháp và của Cứu tế đỏ, còn những hành động can thiệp với nhà chức trách Anh, vận động thả Nguyễn Ái Quốc... của Quốc tế Cộng sản chưa rõ ràng, tích cực như mong muốn.

Năm 1934, khi trở lại Mát-xcơ-va, chắc là Nguyễn Ái Quốc có thể không còn được tín nhiệm, có thể còn bị nghi ngờ vì lý do "Yên lành thoát khỏi ngục tù đế quốc", thậm chí không phải không có khả năng, có ý kiến cho rằng Nguyễn Ái Quốc là nhân viên của Intelligence Service (Cơ quan tình báo Anh)!

Công tác tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa (NINKAPÊ) ngoài việc biên soạn, biên dịch một số chuyên đề, Nguyễn Ái Quốc còn được phân công cắt, dán những mẩu tin trên báo chí viết về Đông Dương (báo tiếng Anh, Pháp, Nga, Việt) từ các nơi gửi đến. Đây là một "công việc" không phù hợp với năng lực, trí tuệ, vị trí của một nhà cách mạng, đảng viên hành động, một người đã tham gia thành lập một đảng mạnh ở châu Âu là Đảng Cộng sản Pháp và là người có công sáng lập ra một đảng ở Đông Nam Á là Đảng Cộng sản Đông Dương, một người đã từng là Uỷ viên Bộ Phương Đông, Bí thư Cục Phương Nam - chịu trách nhiệm về hoạt động các đảng Xiêm, Mã Lai, In-đô-nê-xi-a. Trong tình hình ấy, Nguyễn Ái Quốc đã tranh thủ học tập, coi đây là một dịp để hệ thống kiến thức của mình.

Xem *Hồ Chí Minh - biên niên tiểu sử*, tập 2 (1930 - 1945) thì từ năm 1934 đến 1937, chỉ có 16 sự kiện trong gần 1.500 ngày. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3 (1930 - 1945), năm 1934 không công bố được bài nào của Nguyễn Ái Quốc, năm 1935, có một bài, năm 1936 không có bài

nào, năm 1937 có một bài, năm 1938 trước khi rời Liên Xô có một bài. Tổng cộng trong 4 năm chỉ có ba bài, thực ra là ba bức thư. Nhìn lại, trong một ngày 12 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã viết bốn thư, còn năm 1925 (chắc là sưu tầm chưa đầy đủ), Nguyễn Ái Quốc đã viết 37 bài báo, thư. Trách nhiệm của nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc, năng lực làm việc hoạt động của Nguyễn Ái Quốc qua những năm tháng không có thư, báo cáo, bài báo có thể cho ta đi đến một suy nghĩ là Quốc tế Cộng sản đã hạn chế hoạt động của Nguyễn Ái Quốc? Trong sách *Hai năm ở nước Trung Hoa khởi nghĩa* (1925 - 1927), NXB Khoa học, M, 1980, bà A-ki-mô-va (vợ tướng A-ki-mốp - cố vấn quân sự của Bô-rô-din) cho biết đã dạy thêm tiếng Nga cho Lý An Nam (Nguyễn Ái Quốc) còn Nguyễn Ái Quốc đã dạy tiếng Việt cho bà.

Năm 1935 trở về Mát-xcơ-va, bà đã gặp Lý An Nam tại ký túc xá của Quốc tế Cộng sản. Sau mấy phút trao đổi, hai người có cho nhau địa chỉ, nhưng bà A-ki-mô-va không bao giờ được gặp lại Lý An Nam, theo bà là "một ứng xử rất xa lạ với đồng chí ấy". Phải chăng kỷ luật nào đó, của cơ quan nào đó, đã hạn chế sự giao thiệp của Nguyễn Ái Quốc?

Suốt trong gần 5 năm (1934 - 1938), theo những tư liệu sưu tầm được (có thể còn chưa được đầy đủ?), Nguyễn Ái Quốc không (hay không được?) viết thư liên lạc với bất cứ ai, đảng viên, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, bạn bè, đồng chí thuộc các đảng bạn.

Tháng 6 năm 1935, Vê-ra Va-xi-li-ê-va đã gửi thư báo cáo "tuyệt mật" đến Ban thư ký Phương Đông cho biết "khó mà xác định được tại sao đồng chí ấy (Nguyễn Ái Quốc) lại dễ dàng ra khỏi nhà tù"; đã "nhiều lần đề nghị đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết bản tường trình,

nhưng đồng chí đã không thực hiện", cho biết rằng chuyến đi là nhờ đồng chí Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê giúp". Vê-ra Va-xi-li-ô-va cho biết: "Đồng chí ấy rất đau khổ và phản ứng vì sao không được tham gia việc này hay việc khác của công tác bí mật"[1].

Sự "trừng phạt bị giam lỏng" (chữ của các nhà nghiên cứu nước ngoài) còn thể hiện nặng nề công khai trong tham luận của Lê Hồng Phong, tháng 7 năm 1935 tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Bản tham luận này đã được Nguyễn Ái Quốc góp ý, nhưng tất nhiên Quốc tế Cộng sản phải bổ sung, phê duyệt, thông qua và coi như "đây là chỉ thị tham luận của Quốc tế Cộng sản"[2]. Lê Hồng Phong cho biết: "Sự lãnh đạo của Đảng và các Xô viết (ở Đông Dương) đã phạm phải nhiều khuyết điểm, chính quyền Xô viết mới chỉ tịch thu ruộng đất của những địa chủ có trên 100 mẫu (khoảng 30 ha), giới hạn này đã làm giảm mất nhiều khí thế đấu tranh giành ruộng đất của nông dân vì trong các tỉnh mà chính quyền Xô viết được thành lập có rất ít đại địa chủ. Đó là tàn dư của cương lĩnh các nhóm cộng sản cũ đã máy móc chia giai cấp địa chủ thành hạng đại và trung."[3]

Tham luận của Lê Hồng Phong còn (phải?) ca ngợi: "Công nhân và nông dân ở xứ thuộc địa xa xôi của Pháp (Đông Dương)... mang trong tâm trí và trên miệng họ tên tuổi Stalin vĩ đại, quen thuộc và thân yêu, cái tên vang dội như một lời hiệu triệu chiến đấu cho cuộc cách mạng chống đế quốc và phong kiến".

---

(1) Bản tiếng Nga lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng. Bản tiếng Việt của Bảo tàng Hồ Chí Minh dịch sót (thiếu) chữ "phản ứng" (nguyên văn) "peakmipobam".

(2) Không nói rõ nhưng ai cũng biết đó chính là Nguyễn Ái Quốc.

(3) Viện Nghiên cứu Hồ Chí Minh và các lãnh tụ, Đồng chí Lê Hồng Phong là một lãnh tụ xuất sắc của Đảng, NXB Chính trị quốc gia, 1997. tr.85.

Thực tế tình hình những năm 1936, 1937, 1938 ở Liên Xô là không ai có thể "làm trái ý Stalin", nếu như không muốn đi trại tù hoặc bị bắn, giết không cần toà án...

Báo *Lao động* của Liên Xô ra ngày 19 tháng 5 năm 1988 đăng bài của D.A Vôn Cô-đô-nốp - Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Bộ Quốc phòng Liên Xô, cho biết: Bên cạnh những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội, sẵn sàng xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ ngày 1 tháng 5 năm 1937 đến ngày 1 tháng 9 năm 1938 gần 40.000 cán bộ chỉ huy cao cấp và trung cấp trong quân đội đã bị thủ tiêu. Tạp chí *Vệ tinh Spút-ních* số tháng 4 năm 1988 cho biết: "Những năm 1937 - 1938, Stalin đã sát hại 3 trong 5 nguyên soái[1], ba phần năm tư lệnh Phương diện quân, 10 tư lệnh tập đoàn quân, 50/57 tư lệnh quân đoàn, 154/186 tư lệnh sư đoàn, 16 chính uỷ phương diện quân, 25/28 chính uỷ tập đoàn quân, 58/64 chính uỷ sư đoàn, 401/456 đại tá". Sách *Bách khoa Quân sự Nga*, tập 7, M, 2003 cho biết: "Theo các thống kê về các vụ án "phản cách mạng" trong Hồng quân công nông, vào các năm 1937 - 1938 đã có 2.918 cán bộ chỉ huy và 10.946 quân nhân và thủy thủ bị kết án oan, loại ra khỏi quân ngũ 18.822 binh sĩ, sĩ quan[2]. Tạp chí *Những vấn đề lịch sử của Đảng Cộng sản Liên Xô*, tháng 3 năm 1989 cho biết "hầu hết các cán bộ lãnh đạo Đảng Cộng sản lưu vong sống ở Liên Xô đều bị sát hại. Ngay Bê-la-cun - người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hung-ga-ri, đã nói chuyện điện thoại trực tiếp với Lê-nin hồi sống ở Mát-xcơ-va

(1) Trong đó có Bliukho là người mà Nguyễn Ái Quốc quen biết từ hồi tại Quảng Châu trong phái đoàn Bô-rô-đin.

(2) Điều này đã ảnh hưởng đến việc chỉ huy quân đội, đánh trả quân Đức trong những năm tháng đầu cuộc chiến tranh giữ nước của Liên Xô sau này.

sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, ngày 28 tháng 6 năm 1937 bị bắt, ngày 29 tháng 8 năm 1938 bị kết án là "chia rẽ các đảng anh em, làm gián diệp Đức, Anh", năm 1939 bị xử bắn và không rõ chôn cất ở đâu, 2 năm sau khi Stalin mất mới được minh oan ngày 2 tháng 7 năm 1955. Ngoài việc "làm trong sạch" trong quân đội, Stalin còn "thanh trừng, sát hại" nhiều uỷ viên Bộ Chính trị, uỷ viên Trung ương Đảng, bí thư thành uỷ, tỉnh uỷ, nhà văn, nhà báo, nhà khoa học, đàn áp nông dân không chịu "hợp tác hoá", đàn áp các dân tộc ít người một cách rất "cứng rắn", di hại những việc đàn áp đó vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Trong khi đó Nguyễn Ái Quốc cũng "đau khổ" vì không nhận được sự thông cảm an ủi của các bạn chiến đấu, đồng chí, học trò của mình ở Việt Nam, và ngay cả khi họ có mặt ở Liên Xô. Không phải là không có một số cán bộ lãnh dạo của Đảng đã phê phán nặng nề "Chủ nghĩa quốc gia của đồng chí Lin không những ảnh hưởng trong Đông Dương mà cả ở Xiêm..., đề nghị đồng chí Lin phải viết một bản tự chỉ trích"...[1]

Những sự kiện ấy chắc chắn đã tác động lớn đến Nguyễn Ái Quốc - người "lữ hành cô đơn" (câu chữ của Võ Nguyên Giáp), "tứ cố vô thân", dù không "bằng lòng", "phản ứng", nhiều lần thiết tha đề nghị xin được giao công tác.

Trong tình thế ấy, bất cứ ai dù là công dân, tướng lĩnh, nguyên soái, cán bộ lãnh đạo của Liên Xô, của các đảng anh em, nếu ứng xử không khéo, tế nhị, chắc chắn là Stalin không bỏ qua.

(1) Hồ sơ lưu trữ của Quốc tế Cộng sản.

Trong lúc "cô đơn", đau khổ ấy, Nguyễn Ái Quốc vẫn còn được một số bạn bè thấu hiểu tư cách, lập trường, tư duy độc lập, ý chí mãnh liệt đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc của mình, trong số này phải kể đến Vê-ra Va-xê-li-ê-va.

Có thể là do nghiên cứu phương Đông mà Vê-ra Va-xê-li-ê-va có hiểu biết về các dân tộc phương Đông, cá tính, truyền thống phương Đông - một lĩnh vực mà Quốc tế Cộng sản còn khá mơ hồ nên đã "hết lòng" bênh vực chở che Nguyễn Ái Quốc?

Ngày 6 tháng 6 năm 1938, Nguyễn Ái Quốc đã có thư gửi Quốc tế Cộng sản - qua một số tư liệu là nhờ Chu Ân Lai - do bị ngã ngựa, què tay sang chữa bệnh ở Liên Xô, chuyển cho D.Z Manuinski, Uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản - một người rất thông cảm với Nguyễn Ái Quốc. Trong thư, Nguyễn Ái Quốc (không đề tên người nhận) nhắc rằng đã là "Năm thứ tám trong tình trạng không hoạt động của tôi" và đề nghị "Hãy phân tôi đi đâu đó". "Đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động gì và giống như là sống bên cạnh, bên ngoài Đảng".

Tư liệu của Quốc tế Cộng sản cho biết, sau đó Vê-ra Va-xê-li-ê-va đã đề nghị D.Z Manuinski gặp Nguyễn Ái Quốc để nghe Nguyễn Ái Quốc trình bày trực tiếp.

Theo Quyết định số 60 của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa ngày 30 tháng 9 năm 1938 "sinh viên số 19 (Lin) từ 29 tháng 9 ra khỏi biên chế của Viện (trở về nước)".

Theo hành trình của Quốc tế Cộng sản "giới thiệu" cho Nguyễn Ái Quốc là từ Mát-xcơ-va đi xe lửa xuyên Xi-bê-ri đến Irkutsk, qua sa mạc Gô-bi về miền tây Trung Quốc và định cho ngày lên tàu. Nhưng Nguyễn Ái

Quốc dã không đi tàu đúng ngày đã định, cũng không dừng lại ở Irkutsk mà rẽ xuống Alma Ata, vào ngả Urumsi (tây bắc Trung Quốc), an toàn đến Tây An...

Năm 1990, ông Pê-ru-chi, cán bộ công đoàn I-ta-li-a, nhân dự Hội nghị quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có cuộc trao đổi với Viện Hồ Chí Minh về "3 lần chiến đấu ác liệt nhất của Hồ Chí Minh". Theo ông, lần thứ nhất là "Thoát khỏi nhà tù Victoria", lần thứ hai "Thoát khỏi lưỡi kiếm của Stalin (nguyên văn)", lần thứ ba "Lãnh đạo con thuyền cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 - 1946".

Sinh thời, theo các cán bộ được gần Bác cho biết, Bác rất ít nói về mình trong những năm 1934 - 1938 tại Liên Xô, kể cả trong hai cuốn sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động...* và *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. Ngay Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn, người công tác tại Phòng Đông Dương cũng với Bác trong những năm ấy cũng không (không được?) nói, viết gì về "khúc ngoặt" này.

Phải chăng do nhiều lý do khách quan, chủ quan, do tình hình đối ngoại và tình cảm với đất nước Lê-nin, bạn bè Liên Xô, và cũng vì tính khiêm nhường, lòng vị tha, vì lợi ích cao nhất của Tổ quốc, của cách mạng Việt Nam trong thời điểm đấu tranh độc lập, thống nhất hoàn toàn đất nước mà Bác đã ít cho ai biết về thời kỳ 1934 - 1938 của mình tại Liên Xô?

Tuy nhiên trách nhiệm của các nhà sử học là phải tiếp tục làm sáng tỏ sự kiện đã đi vào quá khứ này, không phải để "bới đống tro" mà là cho công tác khoa học được ngày càng sáng tỏ.

HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở LIÊN XÔ (1934-1938), Ý NGHĨA, VAI TRÒ, BÀI HỌC ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM(*)

Sau khi thoát khỏi nhà tù Victoria (Hồng Kông) trở về Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã sống, hoạt động, chứng kiến tình hình thế giới, tình hình nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô, tình hình Liên bang Xô viết trong 5 năm (1934 – 1938).

Đây là thời kỳ trước khi Liên Xô tan rã - "giai đoạn cuối của thời kỳ xác lập cơ sở cho chủ nghĩa xã hội 1926 - 1936, và là giai đoạn đầu của xây dựng chủ nghĩa xã hội để tiến đến thắng lợi hoàn toàn, cuối cùng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô vào năm 1961, phát triển chủ nghĩa xã hội vào các năm sau 1961 - 1982, chuẩn bị điều kiện cho chủ nghĩa cộng sản"(1).

Trên thế giới, những năm 1934 - 1938 xuất hiện nhiều sự kiện đáng chú ý:

- Ngày 26 tháng 1 năm 1934, Ba Lan ký hiệp ước không xâm phạm với Đức; 30 tháng 6 Hít-le thâu tóm mọi quyền bính vào tay mình; ở Trung Quốc Hồng quân công nông buộc phải tiến hành "Vạn lý trường chinh".

(*) Tham luận hội thảo tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, 3-2006.

(1) Lịch sử tóm tắt Liên Xô, tập 2, NXB Khoa học, M, 1983, tr.72 (bản tiếng Nga).

- Năm 1935, tháng 11, quân Nhật tiến vào khu vực Bắc Kinh và Thiên Tân.

- 1936, Mặt trận Bình dân thắng cử ở Pháp; ở Tây Ban Nha xảy ra nội chiến; Đức cho xây dựng chiến luỹ Siegfried đối diện với chiến luỹ Maginot của Pháp.

- 1937, ngày 7 tháng 7, quân Nhật chiếm Bắc Kinh, ngày 27 tháng 10 chiếm Thượng Hải, 14 tháng 12 chiếm Nam Kinh.

- 1938, ngày 12 tháng 3, quân Đức tiến vào Viên (Thủ đô nước Áo); Hít-le đòi Tiệp Khắc"[1].

Trước khi Liên Xô tan rã, trong *Đại từ điển Bách khoa Xô viết*, tập 24, đã viết: "Do tệ sùng bái cá nhân của Stalin mà Liên Xô trong nhiều năm đã gặp không ít khó khăn, nhất là vào năm 1937... Stalin đã phạm sai lầm trong lý luận, trong phát triển chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản, đã mở rộng đấu tranh giai cấp. Thực tế, sai lầm này đã gây mầm cho sự tan vỡ chủ nghĩa xã hội trong những cuộc đàn áp (của Stalin) đối với đông đảo nhân dân, đàn áp các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội và nhiều cán bộ lãnh đạo khác. Trong kinh tế nông nghiệp năm 1937, 93% nông dân đã "vào" nông trường với 91% diện tích ruộng đất canh tác trên diện tích toàn liên bang. Con số nông trường đến năm 1940 trước chiến tranh giữ nước vĩ đại là 236.900 nông trường tập thể, 4.200 nông trường Xô viết với 7.100 trạm máy kéo. Trong công nghiệp, năm 1937 sản xuất được 200.000 xe ô tô du lịch, trên 177.000 máy kéo, 456.000 xe máy kéo, 129.000 máy liên hợp gặt đập, 146.000 ô tô vận tải, với 28,6 triệu công nhân và viên chức; nền kinh tế liên bang đã "thu hút" 94% người lao động, trong đó

(1) Nguyễn Văn Dân, Biên niên sử thế giới, NXB Văn hóa Thông tin, 1999, tr.403-408.

nông trang viên chiếm 48,8%, công nhân viên chức chiếm 45,7% chỉ còn 5,5% là nông dân ở ngoài các tổ chức hợp tác, tập thể"[1]. Tuy vậy, cho đến năm 1986, nhân dân Liên Xô vẫn chưa có được những thông tin thực tế "dưới triều đại Stalin". Cái chết của X.X Ke-mê-nhép (1881 - 1936) - Tổng tư lệnh lực lượng vũ trang Liên Xô, của Gh. V. Di-nô-vi-ep (1888 - 1934) là nhà hoạt động cách mạng Nga và Quốc tế Cộng sản "bị hành quyết vì tội chống đối Stalin"[2] vẫn còn bị bưng bít. Riêng K.C Ki-rốp (1886 - 1934) Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô, được cho biết là "chết do một hành động khủng bố"[3]. Theo báo chí Liên Xô gần đây, Ki-rốp đã bị bắn trong cầu thang điện tại Kremli.

Sau khi Liên Xô tan rã, sách báo đã có những nhận xét khác với những lập luận trước. *Bách khoa Toàn thư mới* của NXB Đại Bách khoa toàn thư, Mát-xcơ-va, năm 2001 viết về Stalin như sau:

"Từ sau khi Lê-nin mất, đất nước Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Stalin đã lâm vào tình trạng đấu tranh giai cấp sâu sắc. Stalin duy trì phương pháp lãnh đạo độc đoán để kiến lập chính quyền chuyên chế... Sau cuộc đàn áp tập thể diễn ra nhiều lần, nhất là trong năm 1934, đã làm khiếp sợ các tầng lớp xã hội. Rất nhiều người bị cưỡng bức đi lao động cải tạo ở các trại Gu-lắc (TYVAK)..."[4] Từ năm 1922, sau các cuộc đàn áp các lãnh tụ Bôn-sê-vích, Stalin thiết lập chế độ chuyên chế trong Đảng và trong cả nước. Stalin tuyên bố "là người duy nhất tiếp tục và giải thích sự nghiệp của Lê-nin,

(1) Đại từ điển Bách khoa Xô viết, M., 1977, tr 144, 139, 144... (bản tiếng Nga).
(2) Nguyễn Văn Dán, Sđd.
(3) Bách khoa Từ điển Xô viết, M., 1986, tr.463, 531, 579 (bản tiếng Nga).
(4) Viết tắt các chữ Nga chỉ "Cơ quan chỉ đạo các nhà cải tạo lao động và giam giữ người phạm tội."

tiến hành một quy trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay trong một nước đã giành được chính quyền. Stalin cưỡng bức tiến hành công nghiệp hoá, tập thể hoá nông nghiệp toàn quốc, sáp nhập miền Tây U-cơ-ren, sau đó là Bi-ê-lô-hút-xi-a, Betxaria, Bắc Bu-cô-vi-na (phần đất của Phần Lan) tiếp đó "thu nạp" vào Liên Xô 3 nước Ban Tích Lát-vi-a, Lýtva và Es-tô-nhi-a"[1].

Tạp chí *Luận chứng và Sự kiện* số tháng 8 năm 2005 cho biết: "Trong những năm 1937 - 1938, Stalin đã ký 366 quyết định xử bắn 44.440 người[2].

Cũng trên tạp chí này số tháng 1 tháng 2005, qua một điều tra xã hội học về "Vai trò của Stalin trong lịch sử đất nước" đã có 33% số người được hỏi đã trả lời là "không biết sự thật về hoạt động của Stalin", 31% cho rằng "Stalin có tội vì đã sát hại hàng triệu người", 29% cho "Stalin có công vì đã lãnh đạo Liên Xô chiến thắng trong chiến tranh", 15% truy cứu nguyên nhân "đất nước không sẵn sàng trước chiến tranh (1941-1945) là do lỗi của Stalin", 9% trách cứ Stalin "đã xây dựng một chế độ khác lạ với ý tưởng chán chính của chủ nghĩa xã hội".

Bác Hồ từng nói: "Người cách mạng, người cộng sản ăn ở với nhau phải cho có tình có nghĩa". "Đối với Stalin, trong số các "đồng chí quân đội" "từ ngày 1 tháng 5 năm 1937 đến ngày 1 tháng 9 năm 1938 có gần 40.000 cán bộ chỉ huy cao cấp và trung cấp trong quân đội Xô viết đã bị thủ tiêu"[3]. "3 trong 5 nguyên soái đã bị Stalin sát hại,

(1) Bách khoa Toàn thư mới, Sđd, tr.1.145 - 1.155 (bản tiếng Nga).
(2) Tạp chí này có tại Trung tâm văn hoá Nga ở Hà Nội, đường Nguyễn Chí Thanh. Tạp chí còn cho biết trong những năm 1941 - 1945, Stalin đã đưa ra toà quân sự xét xử 994.000 quân nhân, trong đó có trên 157.000 người bị bắn, tương đương quân số 15 sư đoàn.
(3) Báo Lao động (Trút-đa - tiếng Nga) số ra ngày 19-5-1986, bài của D.A Vôn-cô-đô-nốp - Viện trưởng Viện Lịch sử quan sự Bộ Quốc phòng Liên Xô.

3/5 tư lệnh phương diện quân, 10 tư lệnh tập đoàn quân, 50/57 tư lệnh quân đoàn, 154/186 tư lệnh sư đoàn, 16 chính uỷ phương diện quân, 25/28 chính uỷ tập đoàn quân, 58/64 chính uỷ sư đoàn, 401/456 đại tá cũng chịu chung số phận chết"[1] dưới lưỡi gươm của Stalin.

Từ điển *Bách khoa Quân sự Nga*, tập 7, M., 2003 cho biết: "Theo các thống kê về các vụ án "phản cách mạng" dưới thời Stalin, vào các năm 1937 - 1938 đã có 2.918 cán bộ chỉ huy và 10.946 quân nhân và thương binh bị kết án oan sai, 18.822 sĩ quan, binh sĩ bị loại ngũ.

Bên cạnh chủ trương chỉ cho tồn tại một giai cấp "công nhân và nông dân đã tập thể hoá", tức là công nhân nông nghiệp, với chủ nghĩa "Đại Nga" sáp nhập các dân tộc, các nước nhược tiểu láng giềng vào nước Nga, Stalin còn đàn áp tất cả những đảng anh em, những nhà lãnh đạo cách mạng, lãnh tụ các đảng trong Quốc tế Cộng sản "làm trái ý Stalin". Tạp chí *Những vấn đề lịch sử của Đảng Cộng sản Liên Xô* số tháng 3 năm 1989 cho biết "hầu hết các cán bộ lãnh đạo Đảng Cộng sản lưu vong sống ở Liên Xô đều bị sát hại như Hung-ga-ri (với Tổng Bí thư là Bê-la-cun), Mông Cổ, Ba Lan...

Tất cả những tình hình, sự kiện trên tuy không được công khai trên các phương tiện của Nhà nước Liên Xô, nhưng qua những kênh thông tin khác của bạn bè, quần chúng và qua sự nhận biết thực tiễn của bản thân đã tác động đến Nguyễn Ái Quốc một cách sâu sắc, trên nhiều mặt, đáng chú ý là về mặt đấu tranh giai cấp, đoàn kết

(1) Tạp chí Vệ tinh (tiếng Nga), số tháng 4-1988, sách Sự kiện thế kỷ 20 (tiếng Pháp), NXB Chêne - Hachette, 1997, tr.461 có bài viết: "Thảm kịch các vụ án ở Mốtx-cu" cho biết: "đao phủ Stalin đã xử lý Ki-rốp, Di-nô-vi-ép, Ka-mê-nhép trong kế hoạch "16 tên", tiếp đó là Ra-đếch, Pla-ta-cốp, Xô-cô-nhi-cốp, nguyên soái Tu-kha-sep-ski và những anh hùng Hồng quân khác".

các tầng lớp xã hội, xác định động lực cách mạng, ứng xử với các dân tộc ít người, xây dựng và củng cố chính quyền chống sự tha hoá của những người cách mạng khi có quyền lực trong tay...

Trong trên dưới 2.000 ngày đêm ở Liên Xô, trong những năm 1934-1938, trước cơn dông bão biến động ngày càng dữ dội của Liên Xô và thế giới, Nguyễn Ái Quốc - một người có công trong việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp, thống nhất 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam, Uỷ viên Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, Bí thư Cục Phương Nam lại đang bị nghi ngờ, ruồng bỏ, thậm chí (có tin) suýt bị đưa đi trại Gu-lắc, đã trở thành một "lữ hành cô đơn" (câu của Võ Nguyên Giáp) trên đất nước Cách mạng tháng Mười Nga của Lê-nin.

Tháng 6 năm 1935, Trưởng Phòng Phương Đông của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, tiến sĩ Vê-ra Va-xi-li-ê-va đã gửi thư báo cáo "Tuyệt mật" đến Ban Bí thư phương Tây rằng: "Khó mà xác định được tại sao Nguyễn Ái Quốc lại dễ dàng ra khỏi nhà tù Victoria, đã nhiều lần đề nghị Nguyễn Ái Quốc viết bản tường trình nhưng đồng chí ấy không thực hiện..." "Đồng chí Nguyễn Ái Quốc rất đau khổ và phản ứng vì sao không được tham gia vào việc này hay việc khác của công tác bí mật"(1). Nguyễn Ái Quốc đã nhẫn nhịn một cách đúng mức, không khiêu khích, "gây sự", cũng không "kiêu ngạo", đồng thời cũng không "uốn gối", "cúi đầu" trong mấy năm đó. Ngày 6 tháng 6 năm 1938, sau khi (có tư liệu cho rằng) tình nguyện đi chiến đấu ở lữ đoàn quốc tế chống Phrăng-cô ở Tây Ban Nha không được chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc đã chính thức phát biểu ý kiến

(1) Bản tiếng Nga lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng (Cộng sản Việt Nam. Bản tiếng Việt lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

về hoàn cảnh của mình với Quốc tế Cộng sản. Thư gửi Quốc tế Cộng sản này không thể gửi sớm hơn vì phải chờ tình hình thế giới, tình hình Liên Xô biến đổi, kể cả tình hình nghi ngờ Nguyễn Ái Quốc dần dần được sáng tỏ, hoặc đã được kết luận sơ bộ. Thời cơ gửi thư đến Quốc tế Cộng sản là nhân lúc Chu Ân Lai - bạn cũ của Nguyễn Ái Quốc, một người lãnh đạo có uy tín của Trung Quốc và Quốc tế Cộng sản tới Liên Xô điều trị gãy tay có khả năng được gặp Stalin - chuyển trực tiếp thư và có thể "nói rõ thêm" về Nguyễn Ái Quốc.

Trong thư, như chúng ta đã biết, Nguyễn Ái Quốc đề nghị "Hãy phân tôi đi đâu đó, đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động gì và giống như là sống bên cạnh, bên ngoài Đảng". Một lá thư, một tâm tình đầy trắc ẩn, vừa có ý "tủi thân" vừa nhiệt tình, ham muốn công tác, không đòi hỏi mà có ý trách móc nhẹ nhàng về cách xử lý". Chắc chắn Quốc tế Cộng sản và Stalin (?) đã cân nhắc kỹ khi đọc "thư kiến nghị" này. Hoặc là thấy "không có chứng cứ", "hoặc là khuyết điểm của Nguyễn Ái Quốc là do trình độ lý luận" (như nhận xét bênh vực của V. Va-xi-li-ê-va đứng ra bảo lãnh cho Nguyễn Ái Quốc), hoặc là do Chu Ân Lai "xin" về công tác cho Hồng quân Trung Hoa, cho châu Á sau khi có nghị quyết của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản về lập mặt trận chống phát xít Đức Hít-le, và có khả năng là Nguyễn Ái Quốc cũng không cần thiết cho công việc ở Phòng Đông Dương nữa mà ngày 30 tháng 9 năm 1938, đồng chí Lin - tên tiếng Nga của Nguyễn Ái Quốc đã được "xoá khỏi biên chế của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa (trở về nước)".

Công việc chính thức mà "một cán bộ hiểu biết sâu sắc nhất, rộng rãi nhất về vấn đề dân tộc, thuộc địa hơn

ai hết trong những năm 20" (theo nhận định cũ) M. Tô-rê - Đảng Cộng sản Pháp) là Nguyễn Ái Quốc lược giao trong những năm 1934 - 1938 cũng không có gì nặng nề lắm.

Sau một thời gian "ngồi chơi", vào năm 1937, Phòng Đông Dương thuộc Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa phân công cho đồng chí Lin những phần việc sau:

A - "Dịch" *Chương trình của Quốc tế Cộng sản, Tuyên ngôn cộng sản Lê-nin và Bệnh ấu trĩ tả khuynh* từ tiếng Nga ra tiếng Quốc ngữ.

B - Biên soạn:

B.1 - Tình hình nông dân ở Đông Dương.

B.2 - Báo chí ở Đông Dương".[1]

Có 3 cán bộ của Phòng Đông Dương biên soạn các công trình mà - theo chúng tôi - là bạn của Nguyễn Ái Quốc - đã được Nguyễn Ái Quốc giúp đỡ (Nguyễn Ái Quốc chứ không thể ai khác). Đó là công trình của V.Va-xi-li-ê-va với chủ đề *Công tác quần chúng của Đảng Cộng sản Đông Dương và Lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương*. Với Svans là "công trình": *Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương* và với Nô-vi-cốp, Viện trưởng Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa là *Vấn đề lao động ở Đông Dương* - giai cấp công nhân, tình hình lao động.

Về phần mình, khi được giao hoàn thành những nhiệm vụ cũng như khi có điều kiện trao đổi góp ý kiến với các đồng chí trong Viện, Nguyễn Ái Quốc lại có thêm điều kiện tìm đọc các sách, báo, văn kiện, thông tin, tư liệu lưu trữ của Quốc tế Cộng sản, của Liên Xô để phục vụ cho công tác, đồng thời mở mang hiểu biết,

(1) Bản tiếng Nga lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

tầm nhìn, so sánh hay - dở... trong phạm vi lý luận cũng như thực tiễn trên các vấn đề xây dựng lực lượng cách mạng, củng cố chính quyền, củng cố đảng, xây dựng chủ nghĩa xã hội...

Đã hơn 70 năm qua, kể từ khi Bác Hồ sống và "không được giao nhiệm vụ gì đáng kể" trong những năm 1934-1938 tại Liên Xô, nay thật khó để tìm được những suy nghĩ, hoạt động, vai trò, ý nghĩa những hoạt động của Bác trong 5 năm đó. Một mặt do đặt quyền lợi của Tổ quốc trên hết, vì "tế nhị" với những mối quan hệ với Stalin, với Liên Xô từ những năm 1925 mà Bác dã không được "người ta hiểu", mặt khác những tư liệu của Quốc tế Cộng sản, của Liên Xô và cả của Việt Nam - cho đến nay vẫn chưa được "giải mật", càng làm cho việc đánh giá này gặp không ít khó khăn.

Tuy nhiên, từ việc nhỏ có thể suy ra việc lớn, qua một giọt nước biển cũng có thể hiểu đại dương, suy nghĩ về những việc làm của Bác sau 1934 - 1938 ta có thể có cơ sở chắc chắn lập luận như sau trên một số vấn đề lớn của Bác:

Một. Với chủ nghĩa Mác, Bác tiếp tục giữ nguyên vẹn quan điểm của mình từ năm 1924 trong "Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ", rằng "Xã hội Đông Dương không giống các xã hội phương Tây, cuộc đấu tranh giai cấp ở Đông Dương không quyết liệt như ở phương Tây. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại... Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn nhất của đất nước. Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố chủ nghĩa Mác bằng dân tộc học phương Đông"[1].

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr.464 - 467.

Đối chiếu với thực tiễn Liên Xô những năm 1934 - 1938 "Nơi đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra quyết liệt", nơi mà nông dân, các dân tộc nhỏ bé bị đàn áp dữ dội..., Bác đã không làm theo Liên Xô, không làm theo chủ nghĩa Mác trong đối xử với nông dân, dân tộc ít người. Các đường lối, chủ trương, chính sách của Bác và Đảng cách mạng Việt Nam đề ra sau này trong thành lập Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Tổ quốc "không coi tư sản là dôi tượng", "có thể làm cho người cày có ruộng - cải cách ruộng đất - không cần đấu tố mà vận dụng giảm tô, giảm tức, hiến diền", không thể "một sớm một chiều xoá bỏ kinh tế thủ công... mà phải chung sống với họ"... Đây là đường lối chính thống, chính xác, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nước ta, thiên thời, địa lợi, nhân hoà, đúng quy luật. (Tiếc rằng, lúc này, lúc khác, nơi nọ, nơi kia đã đi chệch hướng, đã làm sai đường lối chính thống đó và đã để lại "di căn" cho đến ngày nay).

Hai. Về vấn đề xây dựng củng cố Đảng, Bác đã không chấp nhận kiểu "tập trung quyền lực" vào một người (như Stalin); không chấp nhận "sùng bái cá nhân" mà phải đề cao "phê bình, tự phê bình", dân chủ tập trung trên cơ sở dân chủ mở rộng, lấy đa số - thực chất chứ không phải hình thức - quyết định... Bác đã nhìn thấy tận mắt những dấu hiệu cũng như những hành vi tranh giành quyền lực, phe phái, loại bỏ đồng chí bằng những hành động tinh vi, tàn bạo nhất để "giữ ngôi báu"... Từ những năm 1944, trên tờ báo *Việt Lập*, Bác đã cảnh cáo, răn đe, giáo dục cán bộ Đảng, cán bộ uỷ ban nhân dân không được "coi thường quần chúng", "lên mặt quan cách mạng", "ra oai với dân", "đè nén dân"... Bác không chấp nhận sự chia rẽ trong nội bộ dân tộc, chính quyền, Đảng, Bác đề cao "đoàn kết, đại đoàn kết"... Bác đã

không nghe theo lời "ai đó" đề nghị "xử lý" những cán bộ quân đội cấp cao vì họ là "những người xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản, tư sản, địa chủ, quan lại". Bác khẳng định "hễ là người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước. Bỏ số cán bộ này đi thì còn đâu là quân đội". Bác căn dặn: "Đảng không thể bắt buộc Mặt trận công nhận vai trò của mình mà Đảng phải hoạt động để Mặt trận công nhận vai trò lãnh đạo ấy của Đảng".

Và Bác đã không đam mê quyền lực, danh vọng, tiền tài, Người treo một tấm gương trong sáng cho toàn Đảng, toàn dân noi theo, đáng tiếc là cho đến nay, một bộ phận cán bộ, đảng viên miệng nói "học tập Bác" nhưng lại làm trái với đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ba. Với vấn đề chính quyền ở Liên Xô, Bác đã rút ra những kết luận về sự rạn nứt của hình thức Xô viết, không còn phù hợp với Liên Xô những năm sau nội chiến, lại càng không phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Bác chủ trương xây dựng một chính quyền dân chủ nhân dân, một chính quyền của dân, do dân, vì dân, "lấy dân làm gốc", coi trọng sức mạnh của dân "nâng thuyền, dẩy thuyền, lật thuyền cũng là do sức dân". Bác răn dạy cán bộ hết sức coi trọng công tác dân vận, "dân vận khéo thì việc gì cũng làm được".

Mặc dù trong những năm 1930-1931, cách mạng Việt Nam cũng đã có lúc "lập Xô viết" ở làng, xã, nhưng Bác đã nói "Chủ nghĩa Mác không dạy ta nơi nào cũng phải lập Xô viết" và "không làm theo Liên Xô không phải là không mác xít..."

Bác rất lo ngại mỗi khi người cách mạng hoạt động bí mật năm nào, sống, hoạt động được dân che chở, nuôi dưỡng, hy sinh mạng sống vì mình, đến nay có quyền, có chức trong tay, lại "trở mặt", "lên mặt" với dân, o ép dân,

tham ô, tham nhũng, đàn áp nhân dân... Bác nêu khẩu hiệu "Cán bộ là dầy tớ nhân dân", "phục vụ nhân dân là mục đích cao nhất của Đảng"... Bác dề ra phong trào "Sta-na-khốp Liên Xô"[1] dưới nhan đề rất Việt Nam "Thi đua ái quốc", động viên mọi người dân Việt tham gia, thi đua sản xuất, lao động, chiến đấu, học tập, xây dựng đất nước làm cho nước giàu, dân mạnh, chính quyền vững, đặt vị trí "Tổ quốc là trên hết"...

Bốn. Với vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội, Bác cũng có cách nhìn khác với Liên Xô qua thực tiễn những năm 1934-1938. Con người ta không thể sống nếu không có ước mơ, mục đích. Chủ nghĩa xã hội vừa là mục đích, vừa là ước mơ của người Việt Nam. Tin cậy vào ước mơ và mục đích ấy của nhân dân ta, nhưng Bác rất sáng suốt, khách quan, tỉnh táo, không dựa dẫm vào những thành tựu của ai đó, để làm cho nhân dân ảo tưởng, nôn nóng, và "Chủ nghĩa xã hội Hồ Chí Minh" cũng khác với "Chủ nghĩa xã hội của Mác".

Theo nghĩa rộng chủ nghĩa xã hội Hồ Chí Minh cũng đồng nghĩa với chủ nghĩa xã hội Mác. Còn theo nghĩa hẹp chủ nghĩa xã hội là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa xã hội của Mác có đặc trưng cơ bản là "xoá bỏ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất" để thực hiện "sở hữu công cộng, sở hữu tập thể", "tất yếu thực hiện chuyên chính vô sản" là "giai đoạn đầu tiên hay là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản"[2].

---

(1) A.T Sta-na-khốp là công nhân mỏ Liên Xô, đạt kỷ lục thế giới về đào than trong năm 1935, mở đầu cho một phong trào thi đua tăng năng suất ở Liên Xô.

(2) Từ điển Bách khoa Liên Xô, 1986, sđd, tr.249.

Trong khi Stalin bắt buộc bánh xe chủ nghĩa xã hội Liên Xô phải chạy với tốc độ không chấp nhận nổi, trái quy luật, mong ước "sẽ có chủ nghĩa xã hội khi mình đang còn sống" thì thực tiễn ở Liên Xô những năm 1934-1938 lại không chứng minh được điều ao ước ấy...

Bác Hồ "định nghĩa" chủ nghĩa xã hội là "làm cho dân được no ấm, được học hành", "làm cho người nghèo trở nên giàu, người đã giàu giàu lên". Sau khi thắng lợi kinh tế nước ta sẽ có 5 thành phần "thi đua làm cho dân giàu, nước mạnh, tiến lên chủ nghĩa xã hội", "muốn có chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa"... "chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là lý kết hợp với tình"... "muốn lên chủ nghĩa xã hội phải làm nhanh, nhiều, tốt, rẻ", "phải tiết kiệm, tránh lãng phí, tham ô, tham nhũng, chống thói lười biếng", không vội vàng công nghiệp hoá phát triển, ưu tiên công nghiệp nặng, không áp đặt, ô ép nông dân vào hợp tác xã, vào nông trường, mà để cho họ "tự suy nghĩ trên mảnh đất riêng của mình".

Tiếc rằng trong quá trình cách mạng Việt Nam, những lời dạy bảo của Bác Hồ tuy vẫn được giảng dạy, tuyên truyền nhưng "nói nhiều, làm ít", "nói mà không làm"...

Hy vọng rằng rồi đây sẽ có một công trình lý luận, lý giải những điểm thống nhất, không phản bác Mác - mà vẫn không giống Mác về "Chủ nghĩa xã hội Hồ Chí Minh".

Ngay bản thân Mác, năm 1844, trong thư gửi cho một người bạn, Mác đã nói "nhiệm vụ của chúng ta không phải là tiên đoán tương lai mà là phân tích hiện tại..., còn tương lai hãy để cho thế hệ tương lai lo liệu"[1]. Năm 1877, Mác lại viết: "Tôi hoài nghi về một triết học lịch sử

(1) *Mác - Ăng-ghen, Toàn tập, tập 35, tr.298.*

làm cho tất cả các nước đi theo một con đường tiến như thế. Tôi không tin"[1].

Ăng-ghen cũng đã từng khuyên "nước Nga không thể phát triển công xã lên hình thái sản xuất XHCN mà chỉ cần phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa"[2]. Lê-nin đã từng nói: "Chủ nghĩa xã hội sẽ như thế nào khi đạt tới những hình thức hoàn chỉnh của nó? Điều đó chúng ta không biết, không thể nói lên được - bởi vì chúng ta còn chưa đủ tài liệu để nói về chủ nghĩa xã hội, những viên gạch để xây dựng chủ nghĩa xã hội còn chưa làm xong. Chúng ta không thể nói gì hơn và cần phải hết sức thận trọng và chính xác. Điều đó và chỉ có điều đó mới sẽ làm cho cương lĩnh chúng ta có sức hấp dẫn, nếu ngược lại, cương lĩnh đó của chúng ta chẳng qua chỉ là ảo tưởng"[3].

Chắc chắn là còn nhiều vấn đề khác nữa như giáo dục, văn hoá, nghệ thuật... diễn ra ở Liên Xô những năm 1934 - 1938 dưới con mắt hiểu biết, trí tuệ, thực tiễn, tri thức Đông Tây và truyền thống dân tộc của Nguyễn Ái Quốc được đối chiếu, phân tích mà chưa có điều kiện công bố hết được.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* đã dẫn câu nói của Lê-nin: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn, luôn bất khả xâm phạm, trái lại chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đạo, đặt

(1), (2) Dẫn theo Nguyễn Hồng Phong, Toàn tập Nguyễn Hồng Phong, tập 3, tr.466, NXB Khoa học xã hội, 2005.

(3) Lê-nin, Toàn tập, tập 38, NXB Tiến Bộ, M., 1977, bản tiếng Việt, tr.82 - 83. Mao Trạch Đông trong một lần trả lời phỏng viên báo nước ngoài đã nói: "Chủ nghĩa cộng sản đâu có gì đáng yêu! Chủ nghĩa cộng sản là chính sách của chúng tôi để tiêu diệt đối phương (kẻ địch)". Sách Mao Trạch Đông dưới con mắt người nước ngoài, NXB Văn hóa Thông tin, 2005, tr.570.

nền móng cho môn khoa học và những người xã hội chủ nghĩa cần phát triển hơn nữa về mọi mặt nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống".

Nguyễn Ái Quốc - đồng chí Lin - Hồ Chí Minh đã sống những năm 1934 - 1938 đầy khó khăn ở Liên Xô, đã học được rất nhiều ở đấy và đã chọn lọc những cái hay, tốt, xoá bỏ những cái dở, xấu để trở về vận dụng trong cách mạng Việt Nam.

Đó là một con người "Đã biết kế thừa các học thuyết một cách có phê phán, có chọn lọc, không bao giờ sao chép máy móc, cũng không bao giờ phủ định một cách giản đơn mà có sự phân tích sâu sắc để tìm ra những yếu tố tích cực, làm giàu thêm vốn kiến thức và hành trang tư tưởng của mình"[1] để phục vụ Tổ quốc, dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi, đưa nhân dân đến độc lập, tự do, hạnh phúc, dân chủ, bình đẳng, văn minh.

(1) Võ Nguyên Giáp, Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, H., 2000, tr.50.

ĐẠO PHẬT VIỆT NAM - ĐẠO PHẬT CỤ HỒ[*]

Báo Đông Pháp số ra ngày 20 tháng 8 năm 1945 có đăng "Lời hiệu triệu của Hội Phật giáo Việt Nam" như sau:

"Ngày rằm tháng 7 ta là ngày lễ quan hệ theo tục lệ nước nhà.

Bản Hội yêu cầu tất cả các chùa và giáo hữu đến 5 giờ chiều hôm ấy đều cùng làm lễ, trước tỏ lòng hiếu nghĩa với tổ tiên, sau là cầu siêu cho những người bị tai nạn về chiến tranh, tật dịch và đói rét vừa qua.

Bản Hội lại yêu cầu trong ngày lễ đó, toàn thể các giáo hữu nên cầu nguyện cho nền độc lập nước nhà được bền vững và lâu dài.

Buổi lễ cần phải giản dị và có tinh thần, chỉ dùng hương hoa, không vàng mã và tổ chức những cuộc bố thí và phóng sinh.

Việt Nam Phật giáo hội".

Có thể coi "Lời hiệu triệu" này như một "tuyên ngôn" của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sớm nhất (chỉ một ngày, sau khi chính quyền cách mạng giành được ở thủ đô Hà Nội), khẳng định "lập trường" mục đích của giáo hữu, phật tử Việt Nam.

(*) Tạp chí Phật học Việt Nam, số tháng 5-1991.

Sự nhanh chóng "ý hợp tâm đầu", "đồng sàng đồng mộng giữa đồng bào theo đạo Phật ở Việt Nam với nhân dân, với cách mạng và lòng tôn kính gần như tự nhiên, tức thời đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ của giai cấp, của dân tộc, một người cộng sản quốc tế dù chưa biết nhiều về Người... không phải bỗng dưng mà có...

Dù cách thực hiện khác nhau, nhưng cái gốc thống nhất "đại đồng" giữa phật tử Việt Nam với những người cách mạng Việt Nam là đem lại bình yên, hạnh phúc, ấm no cho chúng sinh, cho nhân dân. Xét về những "tiểu dị" thì giữa họ cũng có nhiều điều không khác nhau mấy... Giáo hữu Việt Nam, theo thuyết Tứ Ân, đề cao bổn phận với cha mẹ, với các sư tăng, với xã hội, với trật tự, trị an, "hoặc theo thuyết Lục Phương, trên có những người đáng kính, bốn phía chung quanh là cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, bè bạn, dưới là những người thân thiết"[1]. Với những người hoạt động cách mạng Việt Nam, những điều đó đâu có xa lạ. Trong buổi gặp các em thiếu nhi từ tháng 10 năm 1946, Bác Hồ cũng đã dạy "Phải thương yêu giúp đỡ cha mẹ, anh em"[2].

Nếu như Đức Phật tổ đã dạy cho dân tại Hòn La, (điều mà Kinh trường A Hàm còn ghi lại) rằng "Dân chúng nên tụ họp với nhau để bàn chính sự, trong tình đoàn kết, tôn trọng luật pháp, truyền thống, kính trọng người già, không được áp bức phụ nữ, phải bảo vệ tôn miếu, kính trọng các vị sư"[3] thì những người cách mạng Việt Nam đâu có chủ trương ngược lại, chống đối "quyền dân chủ", hạ thấp đạo đức, lương tri con người coi thường luật lệ, xem khinh phụ nữ...

(1) Nội san Quảng Đức, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Huế 1973, tr.35, 38.
(2) Báo Cứu quốc, số 305, ngày 24-10-1946.
(3) Nội san Quảng Đức, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Huế 1973, tr.35, 38.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đã tìm ra con đường cứu nước thắng lợi cho nhân dân ta, đồng bào ta cả lương, cả giáo - một danh nhân văn hoá, tinh hoa đông tây, kim cổ... đã phân chia con người ra hai loại: bị bóc lột và đi bóc lột, thiện và ác (người ưa sự lành, người hay làm điều dữ)[2], "ngủ ai cũng có vẻ hiền lành, thức mới phân rõ thiện ác"... "Thiện ác không phải do bản tính định sẵn ở con người, mà phần lớn là do giáo dục mà con người trở thành thiện, ác", tư tưởng đó dường như không khác gì kinh Phật.

Suốt đời Người vì nhân dân phục vụ, quên mình vì nhân dân, tự hạn chế mình không ham chuộng vật chất, lo cho dân từng bát cơm, manh áo... chắc là cũng như Đức Phật Như Lai "dù xây chín bậc phù đồ, sao bằng làm phúc cứu cho một người", suốt đời làm điều thiện không đủ "xót cho chúng sinh đau thương trong trầm luân biển khổ".

Những người đi theo Cụ Hồ đã tìm thấy được bạn cùng đi trên một con đường là phật tử Việt Nam nên đã biết dựa vào sự giúp đỡ, chở che, bảo vệ của các toà sen, mái chùa, của trái tim và lý trí của giáo hữu đạo Phật...

Bản thân cụ Hồ cũng đã chẳng từng khoác áo cà sa, xin cơm ăn của Phật đó sao! Và rồi những phật tử Việt Nam từ vi trí những người gián tiếp giúp đỡ cách mạng đã dần dần chuyển sang trực tiếp làm cách mạng vì "chúng sinh quằn quại trong xương máu, Bồ Tát sao yên cõi niết bàn?", đã biến những ngôi chùa thành trạm giao thông, căn cứ cách mạng, đã không "một chiều", "tiêu cực" trong luật sát sinh của nhà Phật nên nhiều tăng ni, phật tử đã trút áo nâu sồng không phải để "hoàn tục" mà khoác tấm áo màu xanh của đất nước, quê nhà, trực

(1) Bút tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bảo tàng Con người (Paris), 1946.

tiếp đi chiến đấu "giết lũ ác ma, cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh như Đức Phật đại từ bi"[1].

Danh sách những phật tử đi theo cách mạng thật là một bản bi tráng anh hùng ca, từ các vị hoà thượng, đại đức đến tăng ni phật tử, ni cô, từ miền núi đến đồng bằng, từ miền Bắc đến miền Nam, đã đi theo Cụ Hồ bằng nhiều hình thức khác nhau, đã tham gia cứu nước, cứu dân, giữ đạo, cứu đời và đã dựng xây nên thành một truyền thống trên đất Việt[2].

Dưới bóng toà sen nếu có những phật tử Việt Nam nào "Miệng nam mô mà bụng bồ dao găm" thì đó là những kẻ đã làm trái lời dạy của Đức Phật, của Phật giáo, của dân tộc Việt Nam này. Trong hàng ngũ những người cách mạng, những người cộng sản Việt Nam, dù vô thức, ai không làm theo lời Cụ Hồ dạy về đạo đức nói chung, về cách ứng xử đối với Phật giáo Việt Nam, với phật tử Việt Nam nói riêng đấy cũng là những người không đích thực là "người của Cụ Hồ".

Như vậy, không biết ở bốn phương trời, mười phương Phật nào có một đạo Phật gắn bó như thế với dân tộc này, với đất nước này, gắn bó giữa lý tưởng của Đức Phật với mong muốn cao nhất của Đảng Cộng sản, của Cụ Hồ là: "Tất cả vì hạnh phúc của nhân dân" không?

Nếu chỉ có ở Việt Nam thôi, xin các hoà thượng, đại đức, tăng ni giáo hữu, phật giáo Việt Nam cho phép người viết bài này mạo muội ghép một tính từ vào cụm tư đạo Phật ở Việt Nam đó là "Đạo Phật Cụ Hồ"...

Nam mô a di đà Phật!

---

(1) Trích thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Hội Phật tử tháng 8-1949.

(2) Xin đọc thêm bài "Những ngôi chùa, trạm giao thông" trên tạp chí Văn hoá nghệ thuật (tháng 8-1989) và bài "Các nhà sư đi với Đảng" (báo Nhân dân ngày 2-2-1990).

50 NĂM "THƯỜNG THỨC CHÍNH TRỊ" (1953 - 2003) CỦA Đ.X (BÁC HỒ)(*)

Hồ Chí Minh, Toàn tập, 10 quyển bộ cũ do NXB Sự thật in và phát hành, tập 1 vào tháng 12 năm 1960, tập 10 - tập cuối hoàn thành vào tháng 12 năm 1989, gần tròn 30 năm.

Trong tập 7 của bộ cũ này không có "Thường thức chính trị", loạt bài của Bác Hồ viết ký bút danh Đ.X.

Hồ Chí Minh, Toàn tập, bộ mới, 12 quyển hoàn thành trong những năm 1995-1996, tập 7 có đưa "Thường thức chính trị" vào "trong năm 1959". Trang 201, tập 7 này công bố: "Thường thức chính trị" viết năm 1953, ký tên Đ.X, NXB Sự thật xuất bản lần đầu năm 1954, in theo bản của NXB Sự thật".

Tác phẩm quan trọng này của Bác, không có trong Toàn tập bộ cũ có thể là do nhiều nguyên nhân, mà một nguyên nhân là không tìm ra được bản sách in năm 1954. Năm 1954, năm chiến thắng Điện Biên Phủ, cải cách ruộng đất, hoà bình lập lại sau Hiệp định Genève, tiếp quản các thành phố trên miền Bắc, Bác Hồ và chính phủ về lại Hà Nội..., nhiều sự kiện lớn có thể "lấn át" đi việc ra đời của cuốn sách ấy chăng?

(*) Nội san tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh, 5-2005.

Thật ra, tác giả Đ.X đã viết "*Thường thức chính trị*" bài đầu tiên "*Giai cấp là gì?*", đăng trên báo *Cứu quốc* số 2253 ra ngày 16 tháng 1 năm 1953. Tiếp đó là các bài "*Chế độ phong kiến là gì?*" (báo *Cứu quốc* 19 tháng 1 năm 1953); "*Chủ nghĩa tư bản là gì?*" (báo *Cứu quốc*, 22 tháng 1 năm 1953); "Chủ nghĩa đế quốc là gì?" (báo *Cứu quốc*, 25 tháng 1 năm 1953); "*Đế quốc Pháp xâm lược nước ta*" (báo *Cứu quốc*, 30 tháng 1 năm 1953); "*Tư bản mại bản là gì?*" (báo *Cứu quốc*, 2 tháng 2 năm 1953); "*Kinh tế lạc hậu là thế nào?*" (báo *Cứu quốc*, 6 tháng 2 năm 1953); "*Vì sao nhân dân Việt Nam cực khổ*" (báo *Cứu quốc*, 16 tháng 2 năm 1953); "*Con đường giải phóng*" (báo *Cứu quốc*, 20 tháng 2 năm 1953); "*Canh giả hữu kỳ điền*" (báo *Cứu quốc*, 23 tháng 2 năm 1953) và tiếp sau là các bài "*Động lực cách mạng*" (27 tháng 2 năm 1953), "*Vì sao giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng?*" (2 tháng 3 năm 1953); "*Giai cấp nông dân*" (9 tháng 3 năm 1953), "*Giai cấp tiểu tư sản*" (23 tháng 3 năm 1953), "*Giai cấp tư sản dân tộc*" (27 tháng 3 năm 1953)... cũng đăng trên báo *Cứu quốc*. Bài "*Thành phần kinh tế nước ta*" in trên báo này vào ngày 25 tháng 5 năm 1953, bài "*Dân chủ mới*" (nêu lên 5 thành phần kinh tế trong chế độ dân chủ mới là kinh tế quốc doanh; hợp tác xã, cá thể, tư bản tư nhân, tư bản nhà nước"... đăng trên báo *Cứu quốc*, ngày 7 tháng 9 năm 1953, số 2418. Bài "*Kết luận*", tổng kết 49 bài viết của Đ.X từ ngày 16 tháng 1 đến ngày 23 tháng 9 năm 1953 in trên báo *Cứu quốc* số 2430 ngày 23 tháng 9 năm 1953.

Từ những thông tin trên, có thể bổ sung vào Hồ Chí Minh, Toàn tập (12 tập bộ mới) rằng: Mục "Thường thức chính trị" từ tháng 1 đến 9 năm 1953 gồm 49 bài đã đăng trên báo Cứu quốc năm 1953, đầu năm 1954, NXB Sự thật tập hợp lại in thành sách. Đối chiếu với các bài

đăng trên báo Cứu quốc và sách "Thường thức chính trị" công bố trong Hồ Chí Minh, Toàn tập, bộ mới, tập 7 là hoàn toàn giống nhau[1].

Có thể tóm tắt 49 bài viết của Bác trong hai chủ đề lớn:

- Xã hội Việt Nam, đối tượng, động lực cách mạng, mục tiêu đấu tranh, tính chất nhà nước...

- Đảng Lao động Việt Nam, nền tảng, chủ nghĩa, tính chất, nhiệm vụ của Đảng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền lợi đảng viên...

Đọc lại những bài "Thường thức chính trị" này, chúng ta hiểu rõ hơn quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về "Thành phần các giai cấp xã hội Việt Nam, con đường đi tới giải phóng dân tộc cũng như tính chất chế độ của Nhà nước Việt Nam..." Về dự báo "5 thành phần kinh tế của chế độ dân chủ mới ở Việt Nam" về xây dựng Đảng...

Trong bài "Tính chất của Đảng"..., Bác viết: "Đảng Lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của các dân tộc" (Bác không viết: "Của giai cấp vô sản" như quan điểm của Quốc tế Cộng sản). "Đảng kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lê-nin", "Đảng giác ngộ giai cấp công nhân rành mạch, lập trường (in nghiêng trong nguyên bản) giai cấp dứt khoát, tác phong giai cấp đúng đắn", "Đảng kết hợp lý luận với kinh nghiệm và thực hành của cách mạng Việt Nam. Đảng áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp Mác - Lê nin mà giải quyết các vấn đề thực tế của cách mạng Việt Nam". "Đảng chống khuynh hướng tả và khuynh hướng hữu. Đảng quan niệm rằng "Tuỳ hoàn cảnh mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau, không "nhất thiết phải theo quy luật nhất định của xã hội loài người".

(1) Năm 1993, đoàn cán bộ của Viện Hồ Chí Minh trong khi tìm tư liệu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đã phát hiện ra sách này và đã được Hội đồng đưa vào tập 7.

Về tổ chức Đảng, Bác nêu rõ "Đảng là bộ phận tiên tiến của nhân dân lao động (công nhân, nông dân, lao động trí óc).

Về tính chất của Nhà nước, Bác viết: "Tính chất của nó là nhân dân dân chủ chuyên chính", "dân chủ với nội bộ nhân dân", "chuyên chính với đế quốc, bè lũ phản động".

Khi đề cập tới Mặt trận, Người căn dặn: "Trong giai đoạn cách mạng dân tộc, dân chủ, bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc đều là động lực của cách mạng", "lấy công nông liên minh làm nền tảng".

Dự kiến về chính sách kinh tế, Bác nêu "mấy điều".

- Công tư đều lợi, rồi Người giải thích: "Công" là kinh tế quốc doanh, "tư" là những nhà tư bản dân tộc...

- "Chủ thợ đều lợi, nhà tư bản thì không khỏi bóc lột, nhưng chính phủ ngăn cấm... bóc lột quá tay, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức"...

- Công, nông giúp nhau...

- "Lưu thông trong ngoài", bán hàng cho các nước, mua những thứ ta cần dùng, chưa chế tạo được.

Và Bác kết luận: "Bốn chính sách ấy là mấu chốt để phát triển kinh tế của nước ta".

Còn nhiều vấn đề khác có thể giới thiệu qua 49 bài học, tài liệu huấn luyện tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, nhân dân... như Bác viết là để: "Ôn lại những bài ấy, liên hệ những bài ấy với công tác của mình, chỗ nào không hiểu rõ, không đồng ý, xin các đồng chí gửi thư cho Bác".

Chưa có được những thông tin cho biết vào năm đó và các năm sau có tổ chức "ôn" và "liên hệ" không? Qua diễn biến của lịch sử nước ta trong 50 năm (1953 - 2003) thấy

rõ có những việc ta đã làm được, làm theo "Thường thức chính trị" và đạt được nhiều thành tích.

Tuy nhiên, cũng có người, có nơi, có lúc không "ôn", không "liên hệ" những lời dạy này của Bác nên đã gặp khó khăn, thậm chí không thu được thắng lợi. Và "Bài học lớn nhất của Đảng ta là: phải độc lập suy nghĩ giải quyết các vấn đề cách mạng Việt Nam, những lúc nào ta học tập giáo điều kinh nghiệm nước ngoài là lúc đó cách mạng gặp khó khăn."(1)

(1) Lê Duẩn, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr.559.

ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG LỚN CỦA NỀN BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM[*]

Năm 1927, nếu kể từ năm 1908 tham gia phong trào nông dân miền Trung, nghĩa là gần 20 năm, hoặc 16 năm từ giã đất nước ra đi tìm đường và tìm cách làm cách mạng, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc có một định nghĩa hoàn toàn mới, ngắn gọn, súc tích, khoa học về hai chữ "cách mạng".

Theo Nguyễn Ái Quốc, "Cách mạng là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt". Trong xã hội có nhiều người yêu nước, thương nòi, nhưng không thể làm một nhà cách mạng được. Vì hiểu biết, vì ràng buộc từ nhiều phía, họ dành phải theo vết cũ mà đi để rồi trở thành bảo thủ, lạc hậu. Nhưng không ít người yêu nước dã dám trỗi dậy làm cách mạng, đi theo cách mạng, bẻ gãy những xiềng xích trói buộc để thay đổi cuộc đời mình, thay đổi xã hội. Tất cả những người ấy không phải ai ai cũng là đảng viên cộng sản. Hồ Chí Minh đã từng nói: "Hễ là người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước". Mỗi người yêu nước theo mỗi cách riêng của mình. Tuy nhiên, để có thể đạt được nguyện vọng, lý tưởng cao quý nhất của mình đã chọn, người yêu nước, người cách mạng nào cũng mong muốn được học tập, rèn luyện trở thành đảng viên.

(*) Tạp chí Người làm báo số tháng 5-2005.

Nhà yêu nước, nhà cách mạng, người cộng sản, nhà báo Nguyễn Ái Quốc đã "đau lòng, nát ruột" trước cảnh nước mất độc lập dân mất tự do, đồng bào đau khổ dưới ách áp bức của thực dân, đế quốc. Là người hiểu biết, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đã đau lòng, xót ruột" gấp đôi đồng bào.

Ra đi tìm đường và tìm cách cứu nước, anh Thành chỉ có một ý chí mãnh liệt, một mục đích cuối cùng quyết tâm phải đi tới là cứu nước, cứu dân. Không tiền bạc, không vũ khí, không một đội quân trong tay, nhưng Nguyễn Tất Thành vẫn nhất quyết làm được việc "long trời, lở đất", "đào núi, lấp biển", "đổi cũ ra mới, đổi xấu ra tốt".

Dựa vào sức mình, sức dân mình là chính, nghĩa là phải tạo nên sức mạnh vô địch từ nhân dân. Nhưng nhân dân, đồng bào lầm than đói khổ, mù chữ, bị bưng bít, bị lừa bịp "có tai như điếc, có mắt như mù", thì công việc đầu tiên là phải "mở tai, mở mắt" cho đồng bào, giác ngộ họ, dần dần đưa họ vào tổ chức, huấn luyện họ để tự họ nhận lấy trách nhiệm "tự lực cánh sinh, tự giải phóng mình" cùng với sự giúp đỡ của bè bạn quốc tế.

Công việc đầu tiên này của Nguyễn Ái Quốc không thể nào khác hơn đã phải dùng tới thứ vũ khí sắc bén là "báo chí". Chuyển tới đồng bào tình hình đế quốc xâm lược, áp bức để nhìn rõ kẻ thù, giới thiệu những phong trào yêu nước, cách mạng trên thế giới để đồng bào hấy "người ta làm được sao ta lại không làm được?", tuyên truyền làm cách mạng nào là đúng nhất, và phải làm ra sao... Báo chí là hiện thân của các nhà cách mạng đi tuyên truyền tới từng xóm nhỏ, từng gia đình, từng cá thể, uyên truyền, cổ động, tổ chức mà không cần cán bộ đi đến gặp mặt.

Trong truyền đơn kêu gọi đóng góp để có thể ra được tờ *Hồn Nam Việt* năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ

mục đích của báo này là "mong mỏi người mình mở mày, mở mặt". 18 năm sau đó, trên tờ báo *Việt Nam độc lập* số 101 - số đầu tiên, lại nhắc lại ý kiến này: "Báo Độc lập, hợp thời đệ nhất làm cho ta mở mắt, mở tai". Trong kháng chiến chống Pháp, Bác dặn báo chí tuyên truyền là phải làm cho "dân hiểu, dân nhớ, dân làm", cùng là trong nội hàm của ý "mở mắt, mở tai".

Như vậy, phải chăng đạo đức trước hết của nhà báo, của báo chí là phải "nhận sứ mệnh giác ngộ người đọc", chỉ cho họ thấy cái xấu, cái cũ, cái sai để đổi ra cái tốt, cái mới, cái đúng? Phải chăng nhà báo cần phải là như nhân vật huyền thoại dân gian Nga - Đan-cô - người đã lấy trái tim mình làm bó đuốc soi sáng của quần chúng bị áp bức, đau khổ đi theo? Hệ quả của mệnh đề này có thể là "nếu nhà báo, báo chí không giác ngộ", "mở mắt, mở tai" cho bạn đọc, nói và viết sai, không đề cao cái tốt, cái mới, cái đúng là chưa đạt đến đạo đức đầu tiên của mình.

Vì nhà báo, báo chí luôn được quần chúng tin tưởng, ngưỡng mộ trước hết vì "đạo đức" đầu tiên ấy, nên một mặt quần chúng nhân dân yêu cầu, mong mỏi nhà báo, báo chí mãi mãi là "thần tượng" của họ, là chỗ dựa của họ, là nơi họ gửi gắm niềm tin, đức tín... và mặt khác nhà báo, báo chí lại phải luôn xứng đáng với niềm tin ấy.

Tự nguyện chấp nhận thiên chức "đổi cũ ra mới", nhà báo, báo chí đã là người cách mạng. Năm 1927, trong *Đường kách mệnh*, trong *Tư cách một người kách mệnh* có những tư cách rất "riêng" cho nhà báo, báo chí cách mạng. Đó là "Giữ chủ nghĩa cho vững, có lòng bày vẽ cho người, hay nghiên cứu xem xét, không hiếu danh, không kiêu ngạo, ít lòng ham muốn về vật chất". Nếu nhà báo cách mạng lại là "đảng viên mẫu mực", thì có đủ 12 điều. Điều đầu tiên là ngày đêm lo lắng đến sự nghiệp cách mạng,

điều 2 "Dám hy sinh tiền bạc, xương máu cho lợi ích của nhân dân...; nơi nào, lúc nào cũng phải theo phương châm: "Tổ quốc trên hết"; điều 9 "Khinh thường hư danh, quyền hành, tiền tài (nguồn gốc của sự xung đột, ganh tỵ, phản phúc), háo danh, mê quyền, ham tiền... những tính đó làm hại sự nghiệp cách mạng"; điều 10 "Phải biết rằng làm cách mạng là làm cho nhân dân chứ không phải làm cho một cá nhân nào - "Sự nghiệp của mình thuộc về cả nhân loại, chứ không phải cho riêng mình..."

Gương mẫu, mẫu mực của một con người, một cán bộ, đảng viên, nhà báo, đó là đạo đức, là hiểu biết của họ thông qua ứng xử trong các mối quan hệ. Đối với nước ta, nước nông nghiệp, chưa hiện đại, dân trí, quan trí còn chưa được như mong muốn, "một tấm gương cụ thể có giá trị hơn một trăm bài tuyên truyền".

Người đọc, nhân dân nhận ra nhà báo của dân, của mình không chỉ, không phải bằng lời nói, chữ viết, tranh vẽ, ảnh chụp, phim quay mà còn nhận ra "của mình" ở đạo đức cá nhân của người ấy. Không vì "Tổ quốc trên hết", không dám hy sinh; dam mê tiền tài, quyền lực; háo danh, không chịu học hỏi, "kiêu ngạo cộng sản" nhất định sẽ không thể là nhà báo - báo chí của nhân dân, nhà báo - báo chí theo mong mỏi của Nguyễn Ái Quốc, theo tư tưởng của Hồ Chí Minh.

80 năm đã qua, kể từ khi Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra tờ báo *Thanh niên* bằng chữ quốc ngữ để "mở tai, mở mắt" cho đồng bào, để giác ngộ, tuyên truyền, tổ chức toàn dân đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, những bài học, lời dạy, điều mong mỏi về đạo đức của những người cầm bút, những nhà báo rất đáng để chúng ta ôn lại, làm theo Bác, theo tư tưởng của nhà báo vĩ đại Hồ Chí Minh.

ĐỌC LẠI BÀI "HY SINH"(*)

Báo *Thanh niên* - tờ báo do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, chủ biên, biên tập viên, phát hành viên, viết chữ lối mới... số 65 ra ngày 7 tháng 10 năm 1926 có đăng bài "Hy sinh". Theo các nhà Hồ Chí Minh học, căn cứ theo cách viết, lối dùng từ, tư cách, vị thế tác giả, rất nhiều khả năng bài ấy do chính Nguyễn Ái Quốc viết.

Sau khi đến Quảng Châu (11 tháng 11 năm 1925) bắt liên lạc với Bô-rô-đin và Chu Ân Lai, đầu năm 1925 Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị, thành lập *Việt Nam Thanh niên cách mạng hội*, ra báo *Thanh niên*, số đầu tiên ghi ngày 21 tháng 6 năm 1925, Bài "Hy sinh" trên số 65 in vào trang thứ nhất, chiếm hết cả trang. Sau khi phân tích "Người ta vì hoàn cảnh, kinh nghiệm không ai giống ai, cho nên tính chất ý kiến mỗi người mỗi khác...", tác giả nhấn mạnh "làm cách mệnh mà chưa biết rõ hai chữ "hy sinh" thì dễ bị giành nhau, cãi nhau mà thành ra... hỏng việc". Trong các loại "hy sinh", người viết cho rằng "Làm cách mệnh là phải biết cách mệnh là việc chung, nên phải lấy lòng chí công vô tư mà theo dõi cái công việc, lại phải biết cách mệnh tốt nhất là sự hy sinh, hy sinh gia đình, hy sinh tính mạng, hy sinh quyền lợi, hy sinh ý kiến". Bài báo kết luận: "Thế thì mới gọi là hy sinh, thế thì mới gọi là chân chính cách mệnh".

(*) Báo Cựu chiến binh, Thành phố Hồ Chí Minh tháng 5-1998.

Người ta thường nghĩ làm cách mệnh là phải hy sinh những việc to lớn, ít ai cho rằng "hy sinh ý kiến" lại là không dễ dàng, không phải việc nhỏ. Thực tiễn cách mạng đã chứng tỏ nếu không biết hy sinh ý kiến, cứ khăng khăng một mực, cực đoan cho rằng ta đúng, thì rất dễ sinh ra bè phái, phân liệt, không phải là không có khả năng làm hỏng việc lớn, làm tan vỡ đội ngũ. Bản thân Nguyễn Ái Quốc trước năm 1926 đã từng có một số ý kiến "đúng trong một thời điểm sai" mà các đồng chí quốc tế và trong nước chưa có điều kiện hiểu, thống nhất với những quan điểm đó. Lịch sử phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới đã chứng minh Nguyễn Ái Quốc đã biết "hy sinh ý kiến", để lại, lùi lại, không tranh cãi nữa, và cũng để lại những ý kiến chưa được thực tiễn công nhận, nên đã có một cách ứng xử mềm dẻo, thích hợp.

Trong bối cảnh của những năm 1920 - 1930, các nhà yêu nước cách mạng Việt Nam, tuy có mục đích chung là cứu nước, nhưng ý kiến lại khác nhau. Việc giải thích, huấn luyện, tuyên truyền, động viên, thuyết phục họ để "tạm gác ra bên ý kiến cá nhân của mình - dù đúng dù sai, tức là hi sinh ý kiến" để cùng thống nhất vào một ý kiến chung - dù chưa được hoàn hảo - là một việc quyết định, khởi đầu, cơ sở, sống còn cho phong trào... Để đạt được mục đích ấy, phải có sự dung hoà, đóng góp trách nhiệm của cả hai bên".

Và trong hai năm 1926 - 1927, Nguyễn Ái Quốc, bằng các bài giảng trong lớp huấn luyện, bằng sách báo và nhất là bằng sự gương mẫu, đạo đức của mình đã thuyết phục được đa số cùng chung một ý nghĩ, một quan niệm, đi chung một con đường, sát cánh bên nhau trên cùng một con thuyền cách mệnh, vì "Cách mệnh tốt nhất là sự hy sinh".

Bài học mà tác giả bài "Hy sinh" để lại cho chúng ta, chắc không phải chỉ là dành cho những người yêu nước, cách mạng những năm 1920-1930, mà còn cho hôm nay...

"NẾU LÒNG DẠ KHÔNG CÒN TRONG SÁNG NỮA..."(*)

Tháng 6 năm 1968, 15 tháng trước khi Bác đi xa, Bác mời một số cán bộ phụ trách công tác giáo dục thanh niên, thiếu niên đến làm việc với Bác bàn về sách "Người tốt việc tốt".

Trong buổi trao đổi ấy, Bác nói: "Từng giọt nước nhỏ thấu vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông...", "Một pho tượng hay một lâu đài, phải có cái nền vững chắc mới dứng vững được".

Bác vẫn thường dạy chúng ta: "Đạo đức là cái gốc của cán bộ". Bác định nghĩa: "Cán bộ là suốt đời làm dầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được". Ý Bác là khuyên cán bộ ta đã là cán bộ của Đảng, của Chính phủ, của đoàn thể, dù ở cấp nào cũng phải học mãi, học suốt đời bài học chữ a, b, c ấy tức là những chữ "Suốt đời làm đầy tớ nhân dân".

Bác nhận xét: "Có một số người không nhớ lúc hàn vi, lại để cho chủ nghĩa cá nhân nảy nở. Đã có xe rồi "phấn đấu" để có chiếc xe đẹp hơn, chiếm một phần của người khác. Đã có nhà rồi, lại "phấn đấu" theo kiểu như thế để có nhà đẹp hơn. Làm như vậy là trái với đạo đức cách mạng".

(*) Sách Nhớ lời Bác dạy, NXB Lao động, 1995.

Bác căn dặn chúng ta: "Từ nay về sau, nhân dân và Đảng ta phải giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức trong sáng ấy".

Chúng ta đều biết, từ tháng 9 năm 1945, ngay sau khi giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biết đến tệ tham nhũng, quan liêu sẽ sinh sôi, nảy nở trong các cơ quan dân, chính, đảng. Và Người rung chuông báo động ngay từ ngày ấy.

Năm 1968, sau bao nhiêu lần nói chuyện, nhắc nhở, răn dạy, biểu dương, phê bình, Bác như trăn trối lại cho chúng ta rằng: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân".

Cán bộ, đảng viên chúng ta đang tiến hành phê bình, tự phê bình, chúng ta hãy tự hỏi mình: "Lòng dạ ta có còn trong sáng nữa không?". Bác nói: Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng.

Phê bình và tự phê bình, theo ý Bác là làm cho "Phần xấu mất dần đi, cho phần tốt nảy nở như hoa mùa xuân".

Chúng ta không ai muốn để "vườn đạo đức" của mình đầy cỏ dại, cũng không muốn vườn hoa của bạn không có hoa nảy nở.

Vì chúng ta là "Người cách mạng" của Bác Hồ, vì lòng dạ chúng ta vẫn trong sáng mãi![1]

(1) Năm 1983 khi viết bài "Cụ Hồ" tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh, câu cuối cùng của Hoàng Đạo Thuý là: "Đến bây giờ tôi thấy rằng xa rời đạo đức của Hồ Chủ tịch là đau xót nhất".

GIỮ LẤY GỐC CÂY ĐÀO(*)

Năm 1957, Bác Hồ và Chính phủ về Hà Nội đã được hai cái Tết.

Mấy cái Tết trước đó, các cụ trong xã Nhật Tân vẫn chưa thực hiện được ước vọng của nhân dân làng hoa là kính dâng lên Bác Hồ một cành đào đẹp, vừa có thể nói thay tấm lòng của người dân Hà Nội, vừa biểu thị tôn trọng sự thanh cao, chí thiện, tuyệt mỹ của người nhận.

Sợ Bác bận nhiều việc, nên năm ấy các cụ đã nhờ Ủy ban xã có giấy lên thưa trước với Bác.

Trong khi chờ đợi thư về, các cụ ai cũng tin chắc là Bác sẽ vui lòng nhận món quà Tết dân dã đó nên các cụ đã đi khắp 4 thôn trong xã để chọn, chọn một cây thôi, trong số hàng ngàn cây đào sẽ làm đẹp các gia đình người dân thủ đô trong những ngày tới.

Thế nào là cây đào đẹp? Sau nhiều lần bàn cãi, các cụ đã thống nhất với nhau tiêu chuẩn như sau: Đốt thẳng gốc tre, tán tròn mâm xôi, sai nụ, to hoa, dăm(1) nhỏ đều và màu phơn phớt bích...

Chọn mãi, chọn mãi, hết vườn này sang vườn khác, quá ngọ ngày này, hết buổi ngày mai, cuối cùng các cụ tạm ưng ý là lấy cây đào nhà ông Trần Văn Bất ở thôn Đông. Việc vui không ngờ, lại biết thêm điều vinh dự khiến ông Bất cứ xuýt xoa, hoan nghênh cảm ơn các cụ mãi.

(*) Báo Sài Gòn giải phóng, số Tết, năm 2000.

(1) Tiếng địa phương là "cành".

Sáng ngày 28 tháng chạp năm Bính Thân, dương lịch là ngày 28 tháng giêng năm 1957, đồng chí Nguyễn Văn Tự, Chủ tịch Uỷ ban xã và các cụ Chu Văn Thường, Trần Văn Liêm, Nguyễn Văn Tịch, Nguyễn Văn Ruộng, Nguyễn Văn Thục, Nguyễn Thị Chúc, Chu Thị Bảng, Nguyễn Thị Cẩn và cụ Chu Văn Tuế thay mặt ông Trần Văn Bất mang theo cây đào, đi ô tô vào Phủ Chủ tịch.

Cây đào được "đánh" cả gốc, chằng buộc cẩn thận, hạn chế tối đa (như các cụ dặn), không để gãy cành, không làm hoa rụng... Trên tán mâm xôi có một băng lụa đỏ nổi bật dòng chữ vàng nắn nót "Nhân dân lao động xã Nhật Tân kính tặng Hồ Chủ tịch".

Cây đào đã được đặt giữa phòng khách. Nhìn cây đào đẹp, vào dây hình như lại đẹp thêm, các cụ rất hài lòng.

Cánh cửa phòng bên mở và Bác Hồ tươi cười bước ra.

Bác mời các cụ bà, cụ ông uống nước. Người hỏi thăm sức khoẻ và đời sống nhân dân trong xã. Đồng chí Tự thưa với Bác nhờ có trạm y tế quận giúp đỡ, bà con biết giữ gìn vệ sinh phòng bệnh nên sức khoẻ nhân dân tốt. Năm nay không còn cảnh ăn bữa sáng lo bữa tối, đã ăn đủ no, mặc đủ ấm, các cháu đến tuổi đều được cắp sách đến trường.

Bác lại hỏi về tình hình nhân dân ăn Tết 2 năm ra sao...

Đồng chí Tự báo cáo:

- Thưa Bác, năm kia nhân dân ăn Tết rất phấn khởi vì là Tết đầu tiên miền Bắc được giải phóng. Năm nay còn ăn to hơn. Cả xã đã chung dụng nhau 12 con trâu bò, không kể lợn gà để ăn Tết.

Tưởng là Bác khen, nào ngờ Bác lại trách:

- Chú là Chủ tịch mà cho thịt nhiều trâu bò như thế, mai kia hết trâu bò thì làm sao? Chú kéo cày thay à...

Đồng chí Tự đứng như "trời trồng", mặt xanh lại.

Chắc là Bác "Giận thì giận, mà thương thì thương" nên Người nói sang chuyện khác.

- Thế còn bánh chưng, chú chuẩn bị thế nào?

- Thưa Bác, năm nay mỗi nhân khẩu trung bình có 4 cái ạ.

Bác nheo mắt (sau này đồng chí Tự mới hiểu là Bác không thích hai chữ "nhân khẩu", nhưng Bác thương, Bác không chỉnh nữa vì ngày Tết mà...)

- Chú lo tết như thế là tốt, nhưng phải chú ý tiết kiệm. Đất nước còn nghèo, vừa trải qua chiến tranh, còn nhiều việc to phải làm...

Bác lại hỏi:

- Vụ vừa qua, xã ta thu hoạch khá không? Đã chuẩn bị vụ đông - xuân đến đâu rồi...

- Dạ thu hoạch vụ màu tốt, đã gieo xong mạ, cày bừa ngả cũng đã xong...

Đồng chí Tự nghĩ bụng Bác cứ tiếp tục hỏi mãi đời sống thì biết lúc nào mà vào "dề" được! Nhân lúc Bác mời các cụ uống nước, đồng chí "tranh thủ" đứng lên:

- Thưa Bác... năm... mới...

Bác khẽ vịn tay vào đồng chí Chủ tịch xã ra hiệu ngồi xuống rồi hỏi:

- Cây đào này trồng đã được mấy năm?

Tuy là Chủ tịch xã, nhưng nhà đồng chí Tự lại không trồng đào nên lúng túng. Chợt nhớ đào mỗi năm một lần cưa, lại thấy trên cây đã có vết cưa hai lần, Chủ tịch xã thưa:

- Dạ thưa Bác, các cụ xã cháu trồng kể từ ngày giải phóng Thủ đô nay đã được 2 năm rồi ạ.

Bác khẽ tính:

- 3 năm, đã 3 năm, sao không cho tôi một cành thôi, còn để gốc lại sang năm có hoa nữa mà chơi chứ. Đánh cả gốc thì còn đâu cho năm tới.

Một cụ đỡ lời cho Chủ tịch xã:

- Thưa Bác, cây đào lớn đẹp, dâng tặng Bác cả gốc mới để được lâu...

Bác nói:

- Xin cám ơn các cụ và đồng chí Chủ tịch đã thay mặt đồng bào Nhật Tân đem tặng tôi cây đào đẹp để tôi vui Tết. Nhưng năm sau các cụ không phải đem đào tặng tôi nữa. Tôi sẽ tự trồng cây đào này để mỗi năm có một cành đào Tết...

Người đưa cho đồng chí Tự mười tờ thiệp hồng Chúc mừng năm mới có chữ ký của Hồ Chí Minh rồi dặn:

- Chú mang về tặng các cụ cao tuổi nhất trong xã hộ Bác...

Lên ô tô ra về, các cụ trầm ngâm như không được vui. La thật, vừa được gặp Bác Hồ mà sao lại thế!

Một cụ lẩm bẩm:

- Phải giữ lấy gốc cây đào... giữ lấy gốc.

Chủ tịch Tự lại trách mình:

- Thế là sang năm mất cơ hội lên chúc tết Bác rồi...

Nhưng Tết năm ấy và các Tết năm sau, ở cái làng Nhật Tân ven Hồ Tây, quanh nồi bánh chưng, nhân dân truyền tụng nhau một câu chuyện, như chuyện cổ tích về việc Cụ Hồ dặn phải giữ lấy gốc cây đào, phải giữ lấy gốc...

NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI THẦY VĨ ĐẠI ĐỔI MỚI(*)

Chữ "mệnh" còn gọi là "mạng" gốc từ chữ Hán, vào nước ta từ lâu - có thể là "song hành" với chữ Hán, với đạo Khổng.

"Mệnh" theo giải thích của người Hoa là "Cái do trời đã định".

"Cách", trong Trung văn có một nghĩa là "Đổi lại, bỏ đi". "Cách cố đỉnh tân" là bỏ cũ, dựng mới, bỏ cũ, làm mới. Đây là bốn chữ nguyên bản trong Kinh Dịch. "Cách" cùng với "Đỉnh" là hai quẻ trong Kinh này. "Đỉnh" là làm ra mới, "Cách" là đổi cái cũ.

Từ "Cách mệnh" xuất hiện ở Trung Quốc đã hơn ba ngàn năm, từ thời Tam đại (Hạ, Thương, Chu). Thời ấy vua là con trời - thiên tử - nên trời cho quyền cha truyền, con nối. Trời là cao nhất, nên con trời cũng là trên hết. Trời giao cho con - tức là vua cai quản thiên hạ - nhận cái "mệnh" này của trời. Khi vua hiền, tôi giỏi, đất nước thanh bình, ấm êm, hoà hợp tức là vua đã làm đúng ý của trời, của cái "mệnh" được giao. Nhược bằng, vua dốt nát, xa hoa, bỏ mặc dân đen con dỏ trong lầm than, khổ cực... là làm không đúng "mệnh" trời đã được giao nên trời hoặc con đỏ dân đen ấy phải "cách" đi, đổi

(*) Nói sau tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh, 5-2006.

lại như thời an cư, lạc nghiệp, hoặc bỏ đi làm cuộc sống mới tốt đẹp hơn cuộc sống cũ[1]...

Ngày nay, "cách mệnh" (cách mạng) được hiểu là "sự thay đổi căn bản, sự nhảy vọt về chất trong quá trình phát triển của tự nhiên, xã hội hoặc nhận thức. Khái niệm cách mạng được sử dụng trong lĩnh vực xã hội, đặc trưng cho sự biến đổi sâu sắc, triệt để không cải lương nửa vời (chúng tôi nhấn mạnh) làm thay đổi tận gốc rễ chế độ xã hội, của giai cấp tiến lên nắm chính quyền..."[2]

Công bằng mà nói định nghĩa này của *Từ điển Bách khoa Việt Nam* là nói theo các tư liệu, từ điển của phương Tây, chủ yếu là của Liên Xô. *Từ điển Bách khoa Xô viết*, xuất bản 1986 (gần 10 năm trước khi ra đời tập 1 *Từ điển Bách khoa Việt Nam*) trang 1110 định nghĩa: "Pebollog gốc từ La tinh: revoulutio: đổi lại, lật đổ" là sự thay đổi sâu sắc về chất lượng của tự nhiên, xã hội hoặc nhận thức... là một phương tiện xã hội chuyển dịch từ một chế độ lịch sử - xã hội sang một xã hội chế độ tiến bộ hơn. "Cách mạng" là kết quả và là biểu hiện cao nhất của đấu tranh giai cấp (chúng tôi nhấn mạnh).

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, phong trào dân chủ, duy tân (đổi mới) cách mạng... vào nước ta qua hai con đường Trung Quốc và Pháp - thực tế là qua các tài liệu, sách báo bằng chữ Pháp và chữ Trung Quốc. Bấy giờ, chúng ta không có kênh nhập các tư liệu bằng tiếng Nga, và ở nước Nga, những sách, báo cách mạng in bằng tiếng Trung, Pháp vẫn còn hạn chế. Nhưng cũ tài liệu là tiếng Trung hay Pháp đều hầu như có gốc từ nước Nga. Do đó, nhiều nhà cách mạng nói chung có khái niệm

(1) Trong Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 1, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1999, tr.326 không lần nguồn hai quẻ Đỉnh, Cách trong Kinh Dịch.

(2) Từ điển Bách khoa Việt Nam, Sđd, tr.326.

"triệt để không cải lương" "biểu hiện cao nhất của đấu tranh giai cấp" trong nội hàm "cách mạng" là điều không thể tránh khỏi.

Trong tư duy ấy, "cách mạng" chỉ đi theo với các hình dung từ "Cách mạng xã hội chủ nghĩa, dân chủ cách mạng; cách mạng tư sản; cách nạng dân chủ tư sản; cách mạng quốc gia dân chủ; cách mạng văn hoá; cách mạng khoa học kỹ thuật; cách mạng vô sản; cách mạng dân tộc giải phóng..."

Trong khi hàng triệu nhà cách mạng "say sưa", với các khái niệm "triệt để" - "biểu hiện cao nhất của đấu tranh giai cấp" giản dơn (hay thiếu tư duy triết học và thực tiễn hành động?), áp dụng "chuyên chính vô sản"; "chính quyền Xô viết"... thì Nguyễn Ái Quốc lại có một cách nhìn rất sâu sắc, tỉnh táo.

Sách *Đường kách mệnh* được in trên giấy trắng mực đen, lần đầu tiên vào năm 1927. Thực ra những bài "cách mệnh" này, Nguyễn Ái Quốc đã giảng cho lớp thanh niên cách mạng từ những năm 1925 - 1926. Xa hơn nữa - cũng trên giấy trắng mực đen, quan niệm về cách mạng ở Nguyễn Ái Quốc đã khác với mọi người từ năm 1924, trong "Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ".

Câu đầu tiên của "Báo cáo" là "Cuộc đấu tranh giai cấp ở đây không diễn ra giống như ở phương Tây"[1].

Không nói rõ "ở đâu?", nhưng "Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ (là Việt Nam - chứ không phải Đông Dương) - (như cụm từ Đảng Cộng sản Đông Dương còn bao gồm Ai Lao (Lào), Cao Miên (Cao Miên - Cam-pu-chia) người đọc đều hiểu là "cuộc đấu tranh giai cấp" (ở đây: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ - Việt Nam) không diễn ra giống như ở phương Tây.

(1) *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr.464.*

Vì sao? "Vì đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt lắm?". Vì sao lại thế? Vì "Mác đã xây dựng học thuyết của mình (trong đó có học thuyết đấu tranh giai cấp - hòn đá tảng của chủ nghĩa Mác - sự phân biệt ai là cộng sản, ai không - T.G) trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại".

Vì nhân loại không phải chủ yếu chỉ có phương Tây mà còn cả phương Đông (và cả Bắc - Nam!)

Đó là sự "thiếu vắng", "hẫng hụt" của chủ nghĩa Mác, không phải là "lỗi" của người sản sinh ra nó, mà là của thời đại, thời đại mà các phương tiện thông tin, liên lạc, khoa học tự nhiên, xã hội - thời Mác - còn quá ít ỏi về phương Đông - Ấn Độ - Trung Hoa là hai nước lớn - còn nói gì đến "xứ Bắc Kỳ", "xứ Nam Kỳ" nhất là xứ "An Nam" mà không ít người lẫn lộn là một nước với một trong ba kỳ thực dân dế quốc Pháp chia ra, dùng từ chế độ phong kiến (đã cắt xén, thu hẹp) để dễ bề cai trị dân bản xứ...

Như vậy là "thời đại" phải có trách nhiệm bổ sung cho chủ nghĩa Mác, giúp Các Mác. Đó là "nhiệm vụ mà các Xô viết (phải) đảm nhiệm"[1]. Nói "nhiệm vụ các Xô viết" thì rộng quá. Và cũng chưa thấy "Xô viết" nào bổ sung.

Chỉ có một người bổ sung giúp C. Mác. Đó là Nguyễn Ái Quốc với nội dung sau:

"Củng cố chủ nghĩa Mác bằng dân tộc học phương Đông. Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước"[1][2].

(1) "Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ của Nguyễn Ái Quốc.
(2) Từ điển Bách khoa Xô viết, Mát-xcơ-va, 1986, Sđd.

Nếu xem lại định nghĩa "đấu tranh giai cấp" của các nhà Xô viết, ta thấy định nghĩa ấy trái với Nguyễn Ái Quốc:

"Đấu tranh giai cấp được tiến hành giữa các giai cấp mà quyền lợi không giống nhau, mâu thuẫn lẫn nhau. Là nội dung cơ bản và là động lực lịch sử của các xã hội lần lượt xuất hiện".

Phản đề này có thể buộc ta phải nghĩ rằng: "Trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam, nếu đoàn kết, **đại đoàn kết các tầng lớp xã hội giai cấp sẽ thất bại, đại thất bại chăng?"**[1]

Cứ cho rằng Nguyễn Ái Quốc, những năm 1925 - 1927, định nghĩa rằng: "Cách mệnh là phá vỡ cái cũ đổi ra mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt" là "sáng tạo" ra từ hai quẻ của Kinh Dịch. Vậy trước Nguyễn Ái Quốc, có bao nhiêu triệu người đã đọc Kinh Dịch - Đông - Tây, tại sao không ai "sáng tạo" ra định nghĩa ấy? Trước Nguyễn Ái Quốc, không có ai, bất cứ ở thời đại nào, ở châu lục nào lại có thể suy từ hai quẻ "Cách" và "Đỉnh" để có một tư duy "đổi mới" như vậy - (để chắc chắn - có thể đề phòng nói thêm: "theo những tư liệu hiện có"...)

Tư duy độc lập, sáng tạo, độc đáo là như vậy, nhưng chủ yếu tư duy ấy là từ thực tiễn phát hiện ra lý luận, đường lối, chính sách chính trị, phương pháp hành động để ứng dụng vào thực tiễn - vào công cuộc giải phóng dân tộc mình - một nhiệm vụ, một "mệnh" mà trời - tức là dân - đã trao cho Người, chứ không hề để đặt lên "lầu son", "điện thờ", khoe khoang, khuyếch trương xuất cảng.

---

(1) Trong tài liệu "Duy vật biện chứng, duy vật lịch sử" lưu tại Cục lưu trữ Trung ương Đảng, Bác Hồ có viết: "Nghe người ta nói đấu tranh giai cấp mình cũng đấu tranh giai cấp. Trong cuộc kháng chiến mà tiến hành đấu tranh giai cấp thì thật là ngu ngốc".

Trong hành động, Nguyễn Ái Quốc đã "đổi mới" bao nhiêu lần?

Ngay trong trang đầu của *Đường kách nệnh* xuất bản lần đầu tiên năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã dẫn lời dạy của Lê-nin: "Không có lý luận cách mệnh hì không có cách mệnh vận động. Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong".

Lê-nin là người soạn ra bản "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề huộc địa" trình bày tại Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản (ngày 19 tháng 7 đến ngày 7 tháng 8 năm 1920). Lê-nin là người "Giải quyết đúng đắn về lý luận và thực tiễn vấn đề đặt ra cho cách mạng vô sản trong tiời đại đế quốc chủ nghĩa..."[1]

Tiếc rằng Lê-nin mất sớm - năm 1924 - nên chúng ta không được đọc những bản tiếp theo của "Sơ thảo..." ấy.

Nguyễn Ái Quốc đã từng kể lại niềm phấi khởi của mình ra sao khi đọc Sơ thảo luận cương này, kết luận: "Đó là cái cần thiết" và tự khẳng định "Tin ưởng Lê-nin, đi theo Lê-nin" (Bác Hồ đã từng nói: "Học làm cách mạng theo Lê-nin, học làm người theo Khổng Tử)[2].

Lê-nin không có quỹ thời gian - và có thể cả thông tin để cụ thể hoá hơn nữa Luận cương. Nhưng Lê-nin đã tiên đoán "Có một cái gì đó của cách mạng vi sản trên con đường mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến chủ nghĩa đế quốc".

---

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, Sđd, tr.536.

(2) Nguyên văn trong bài "Khổng Tử", Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, Sđd, tr.454: "Chúng ta hãy tự hoàn thiện mình về mặt tin thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách nang, thi cần đọc các tác phẩm của Lê-nin". Trong một bài viết Bác Hồ a ngợi: "chủ nghĩa Mác có cái hay là phép duy vật biện chứng".

Chỉ có một người, có thể đem hạt giống Luận cương ấy trồng, chăm sóc, phát triển, ra hoa kết trái - đó là Nguyễn Ái Quốc. Để "làm nổi trách nhiệm cách mạng tiên phong, phải có lý luận cách mệnh..." Phải hiểu rằng "lý luận cách mệnh" mà Nguyễn Ái Quốc nói, viết ở đây không hoàn toàn sao chép, dập khuôn lý luận cách mệnh của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác đã được Lê-nin bổ sung và chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh bổ sung với hai chữ "cách mệnh" hiểu theo nghĩa của Nguyễn Ái Quốc "là đổi cũ ra mới, xấu ra tốt". Cho nên, khi đọc câu của Lê-nin "Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động" cần phải hiểu cụ thể là "Không có lý luận đổi cũ ra mới, đổi xấu ra tốt" thì không thể vận động cách mạng - ít ra là cũng ở Việt Nam. Người "dễ tính" có thể đọc quá nhanh câu của Lê-nin mà chưa kịp nghĩ đến "lý luận cách mệnh" mà Nguyễn Ái Quốc nêu lên là lý luận cách mệnh theo cách hiểu, cách làm của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - nói gọn là lý luận cách mệnh Hồ Chí Minh.

Năm 1930, khi thống nhất ba tổ chức Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã đề xuất ra "Chánh cương vắn tắt của Đảng", chính cương đầu tiên của Đảng, của dân tộc ta.

Người đọc kỹ sẽ thấy Nguyễn Ái Quốc có nói tới "cộng sản", "giai cấp vô sản", nhưng lại tránh những cụm từ "huý kị" như "đấu tranh giai cấp"; "chuyên chính vô sản". Nguyễn Ái Quốc còn viết Đảng (đây là Đảng Cộng sản Việt Nam) phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên (hội viên Hội Thanh niên cách mệnh), Tân Việt (hội viên Tân Việt cách mệnh đảng gồm đa số là sinh viên, trí thức), v.v., để kéo họ đi

vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông[1], trung, tiểu, địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng..."[2]. Về thành lập chính quyền, Nguyễn Ái Quốc chủ trương "Dựng ra chính phủ công, nông, binh" (chứ không phải Xô viết). Về quan hệ ruộng đất giữa địa chủ và nông dân, Nguyễn Ái Quốc theo đường lối, chính sách "Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo", "Quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo"[3].

"Chính cương..., Sách lược..." của Đảng Cộng sản Việt Nam được gửi đến Quốc tế Cộng sản. Dù đã khéo léo chọn từ ngữ, nhưng các nhà lý luận Xtalinít theo phái "đấu tranh giai cấp, chính quyền Xô viết; chuyên chính vô sản"... đã thấy "cái khác lạ" trong văn kiện này. Theo họ, không thể nào, không có cách gì, bất cứ ở đâu lại có thể chia ra đại, trung, tiểu địa chủ; không thể nào, không có cách gì, bất cứ ở đâu lại có thể đưa tư sản, tiểu tư sản ra ngoài khu vực đối tượng cách mạng. Người ta "ngạc nhiên" vì ý nghĩ "xa lạ" của Nguyễn Ái Quốc.

Và việc xảy ra đã xảy ra. Người ta phải chấn chỉnh, biên soạn lại "Chính cương" theo "ý chính thống", giao cho người tin cẩn thực hiện... để đưa "phong trào cách mạng Đông Dương" vào "quỹ đạo của Quốc tế Cộng sản".

---

(1) Trong Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3, tr.3 còn có chữ "bọn" (phú nông). Chúng tôi nghĩ rằng vì chưa được đọc nguyên bản bằng tiếng Việt, hay tiếng nước ngoài để khẳng định có chữ "bọn". Do đó, chúng tôi xin phép để lại chữ "bọn".

(2) Xin chú ý: Và cần hiểu chữ "không lôi kéo họ đi với cách mạng Việt Nam" những ai (phú nông, trung, tiểu địa chủ) đã rõ mặt phản cách mạng.

(3) Theo chúng tôi được biết "Chính cương..., Sách lược, Chương trình..., Điều lệ..., Lời kêu gọi..." có nhiều bản tiếng Pháp, Anh, Nga... chưa rõ bản công bố là theo bản tiếng nào.

Người ta - cả các nhà lý luận, lãnh đạo Quốc tế Cộng sản, một Ban Chấp hành với những bậc thầy cách mạng bốn biển, năm châu - "dưới ngọn cờ Stalin" cũng không chấp nhận "cái mới", cái "cách mệnh" ấy của Nguyễn Ái Quốc.

8 tháng sau khi "Luận cương của Nguyễn Ái Quốc có mặt ở Mát-xcơ-va", từ ngày 14 đến ngày 31 tháng 10 năm 1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) do Trần Phú chủ trì. Hội nghị đã quyết định đổi tên Đảng (chính là do Quốc tế Cộng sản bắt buộc) thông qua "Luận cương chính trị..."[1]. Bản "Luận cương chính trị... đã bộc lộ nhược điểm mang tính tả khuynh, giáo điều[2]. (Nói cho đúng người, đúng việc là Quốc tế Cộng sản mang tính tả khuynh giáo điều).

Trong "Luận cương chính trị" do Hội nghị này thông qua (thường được gọi là Luận cương Trần Phú) đã có những câu chữ như sau: "Muốn thực hiện được (tư sản dân quyền) thì phải dựng lên chánh quyền Xô viết công, nông" (Nguyễn Ái Quốc: Chính quyền công, nông, binh), chỉ có chính quyền Xô viết công nông là cái khí cụ rất mạnh mẽ đánh đổ đế quốc chủ nghĩa"... (Bác Hồ đã từng nói "Chủ nghĩa Mác không dạy ai ở đâu cũng lập Xô viết")[3].

Trong "Án nghị quyết" của Hội nghị Trung ương tháng 10 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã bị phê bình về "Những sai lầm trong tổ chức Đảng": "Lúc đầu tổ chức Đảng kế hoạch không xác đáng. Hội nghị hợp nhất lại không lấy một nền chính trị cộng sản làm căn bổn mà chọn lấy những phần tử chơn chánh cộng sản của doàn thể tự xưng

(1), (2) Lê Mậu Hãn, Đảng Cộng sản Việt Nam, các Đại hội và Hội nghị Trung ương, NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr.20-23.
(3) Biên bản Đại hội II của Đảng, lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

là Thanh niên Đông Dương cộng sản..."[1], "không rõ ràng và có chỗ không đúng như chia địa chủ làm đại, trung, tiểu địa chủ"[2] "chỉ lo đến phản đế mà quên lợi ích giai cấp tranh đấu... ấy là một sự rất nguy hiểm"[3].

Và kết quả là: "Thủ tiêu Chánh cương Sách lược, Điều lệ cũ của Đảng... thực hành công việc cho đúng như án nghị quyết và thơ chỉ thị của Quốc tế Cộng sản"[4].

Như vậy là rõ ràng "oan" cho những thành viên dự Hội nghị tháng 10 năm 1930. Vì họ đâu có cược đề xuất ý kiến gì, chủ yếu là thông qua "cái" mà người ta đã viết sẵn... Tuy nhiên cũng phải nêu lên rằng: "Vì lo tư duy lý luận hạn chế, thực tiễn hoạt động không nhiều"[5] và cũng còn do sức ép của Quốc tế Cộng sản mà họ đã thông qua, không một lời, một ý phản đối lưu lại".

Nguyễn Ái Quốc đã "khổ sở" về định nghĩa "Cách mạng là đổi mới" của mình. Người không được triệu tập dự Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, chỉ là đại biểu dự thính, tư vấn tại Đại hội VII, bị nghi ngờ sau khi thoát khỏi nhà tù Victoria, trở thành đảng viên "đứng ngoài Đảng" trên đất Liên Xô 5 năm ròng rã (1934-1938.

Cho đến Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, "người ta" mới thấy là thuyết "Dân tộc học", "Đoàn kết các tầng lớp, giai cấp" để chống lại chủ nghĩa phát xít Đức... là đúng. Nhưng người ta quên đề cập tới tác giả của những ý kiến ấy, cách, trước Đại hội VII ít ra là 10 năm..

---

(1), (2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, toàn tập, tập 2, 1930, NXB Chính trị quốc gia, 1998, tr.108, 110, 112.

(4) Theo một số thông tin gần đây cho biết bản "Luận cương Trần Phú" này do đồng chí Mi-pho chấp bút, Quốc tế Cộng sản thông qua, Nguyễn Khánh Toàn (?) dịch từ tiếng Nga ra Pháp văn, rồi một người Nam Bộ (Bùi Công Trừng?) dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Việt. (Chú ý các tiếng Nam Bộ "tư bổn", "chơn chính").

5) Nhận xét của Quốc tế Cộng sản về Trần Phú, Hồ sơ lưu trữ tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng về "Học sinh trường Phương Đông".

Trở về Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc, vẫn trung thành với định nghĩa "cách mệnh" của mình đã nói rõ "Chúng ta đoàn kết với những người đi lính cho Tây, làm việc cho Tây, với bất kỳ ai trước kia theo đảng phái nào, nay **đồng tâm đánh đổ Nhật - Pháp**"(1). **Khi lập chính quyền dân chủ cộng hoà (không phải là Xô viết công nông), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy có những cái cũ mà tốt, người cũ mà tốt... nên vẫn dùng, vẫn trọng dụng, như trích dẫn của định nghĩa "cách mệnh": "chỉ đổi cái xấu ra tốt...", "cái gì tốt dù cũ vẫn chấp nhận".**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài khen ngợi các điền chủ hiến ruộng cho Chính phủ để Chính phủ chia cho dân cày, không cần phải "đấu tố" coi đó là một cách làm đặc biệt của cách mạng Việt Nam". Trong giới đại điền chủ - chưa kể đến trung, tiểu... có người là bộ trưởng, là cán bộ của Đảng, của đoàn thể Liên Việt, phụ nữ... cung cấp tiền, gạo, áo quần cho cách mạng làm sao không đoàn kết họ được?

Khi bên ngoài có phong trào "Tam phản, ngũ phản", một số cán bộ Đảng, chính quyền Việt Nam chủ trương **"Cải tạo tư sản". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói trong một Hội nghị Bộ Chính trị Đảng: "Không nên coi tư sản là đối tượng cách mạng".**

Tại Đại hội II của Đảng, Hồ Chí Minh lại đề nghị lấy tên Đảng - một tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam. **Hơn thế nữa, năm 1946, Hồ Chí Minh lại còn viết "Đảng là của dân tộc Việt Nam. Tôi sẽ thành lập một đảng mới. Đảng có tên gọi là Đảng Việt Nam. Chỉ có hai loại người không được kết nạp vào Đảng: phản quốc và tham ô".**

---

(1) Xin đọc Việt Nam độc lập, sách do Bảo tàng Cách mạng Việt Nam biên soạn, NXB Công an nhân dân tái bản, 2005.

Trước tình hình thế giới phân chia ra "hai phe, bốn mâu thuẫn", ai đó chủ trương "nhất biên đảo" (chỉ nghiêng về một phía), Hồ Chí Minh lại chủ trương rất mới với họ "Việt Nam sẽ là nửa trung gian" (semi-neutre) vẫn kết bạn với các nước khác ý thức hệ chính trị...

Những chiến lược, sách lược "đổi cũ ra mới, đổi xấu ra tốt" của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, dù có thời gian bị "bụi bặm" che lấp, song vẫn trong sáng như viên ngọc.

Sau khi Bác Hồ đi xa, học tập "Người thầy đổi mới vĩ đại", những con cháu của Bác cũng đã có thêm những đổi mới. Một trong những đổi mới đó là "khoán trong nông nghiệp". Thật ra, chính sách "khoán" này Hồ Chủ tịch đã "áp dụng" trong những năm 1950 - 1951 cho một đội dân công: chia ra chiều dài (khối lượng công trình) của con đường, hẹn ngày làm xong, khoán công, tiền... ai làm xong được về nhà sớm..

Rồi chúng ta lại có "đổi mới" về 5 thành phần kinh tế. Đọc *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, việc đề xuất ra 5 thành phần này, Bác Hồ đã viết ra trên giấy từ những năm 1953 trong loạt bài giảng "Thường thức chính trị"(1).

Tìm hiểu về "cách mệnh" theo định nghĩa của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, chúng ta có thể thu hoạch được những điều sau:

- Dập khuôn, giáo điều, tả khuynh - theo đuôi, không đổi mới, giữ mãi cái cũ, thủ cựu - là không cách mệnh, là thất bại, vì "Đổi mới thì sống, không đổi mới thì chết". Dù lẩn tránh dưới bất cứ lý do gì: thiếu tri thức, kinh nghiệm, thực tiễn, thiếu dũng cảm, do phe phái cạnh tranh...

(1) *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, tr.201.*

- Cách mệnh là luôn đổi xấu ra tốt, cũ ra mới. Mới rồi, theo thời gian lại "cù như vẫn" (vẫn như cũ) nên lại phải đổi mới... thường xuyên đổi mới, thường xuyên cách mệnh.

- Cái mới không dễ gì người ta chấp nhận, chấp nhận ngay do nhiều lý do chủ quan (của họ, của ta), khách quan. Do đó phải đợi chờ, nhẫn nhịn "dù dao đâm vào tim"[1] (chữ Hán - "nhẫn" gồm hai chữ dao và tâm).

Đề xuất được cái mới mà lãnh đạo không chấp nhận, không thực hiện - đó là lỗi của người lãnh đạo không theo "mệnh" của dân, của trời - phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, dân tộc, lịch sử.

Tốt và chưa tốt (xấu), cũ (chưa mới) và mới là quan niệm của Nguyễn Ái Quốc còn thể hiện trong "cặp phạm trù": "Một mặt phá hoại, một mặt kiến thiết" (Chỉ thị "Công việc khẩn cấp bây giờ" ngày 5 tháng 11 năm 1946 - Một mặt kháng chiến, một mặt kiến quốc), "Kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành". (Tết Nguyên đán 1947 - câu đối tặng sư cụ chùa Trầm...) "Vừa xây, vừa chống", "Ba xây, ba chống"[2].

Bài học "đổi mới" mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc ta - và có thể cho cả nhiều dân tộc khác không chỉ là cho một giai đoạn, thời kỳ - nhất thời - mà cần được hiểu là lâu dài, mãi mãi, thường xuyên.

Nói "Cách mạng là sáng tạo" - có thể hiểu sáng tạo là "Đổi cũ ra mới, đổi xấu ra tốt". Vậy nên hiểu là cách mạng - muốn làm - là cách mạng, là phải sáng tạo.

Không sáng tạo - đổi cũ ra mới - xấu ra tốt thì không thể, không còn, không phải là cách mạng, người cách mạng nữa.

---

(1) Có khi còn phải trả giá đắt lúc đề xuất.

(2) Trong nước, có lúc lãnh đạo chỉ nêu "phản" mà không "xây", không "tồn".

CÂY KHÔNG RA QUẢ KHÔNG PHẢI VÌ ĐẤT KHÔNG TỐT MÀ VÌ NGƯỜI CHỌN GIỐNG CÂY SAI(*)

Năm qua có nhiều nông dân trồng ngô nhập ở nước ngoài vào, dù bón phân, tưới nước vẫn có bắp mà không có hạt (Theo tin các báo).

*

Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, trong tập 1 năm 1995 định nghĩa "chuyên chính vô sản" như sau:

Sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân, chức năng chủ yếu của chuyên chính vô sản là thực hiện dân chủ đối với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ mới chuyên chính vô sản với những phần tử thù địch chống lại nhân dân.

Lý luận về chuyên chính vô sản là một bộ phận quan trọng của chủ nghĩa cộng sản khoa học... Nền tảng của chuyên chính vô sản là liên minh công nông trong đó giai cấp công nhân, thông qua đảng tiên phong của mình giữ vai trò lãnh đạo..." (trang 534).

Đào Duy Anh, trong *Hán - Việt từ điển*, xuất bản năm 1992, trang 182 viết: Chuyên chính là chế độ một người, hoặc một đảng chủ trì chính quyền (dictature). Vậy tiếng Pháp "dictature" nghĩa là gì?

(*) Đóng góp ý kiến với Dự thảo Báo cáo Chính trị 2006.

Từ điển Larousse Pháp năm 1959, trang 321 giải thích: "gốc tiếng La tinh dictatura. Ở La Mã là phẩm cách, quyền lực của người chuyên chế, nắm quyền lực tuyệt đối[1]. Chuyên chính vô sản đối với người mác xít là giai đoạn phát triển lịch sử, trong đó giai cấp vô sản là giai cấp có quyền duy nhất điều khiển nhà nước".

Liên Xô - "quê hương" của một giai đoạn có chính quyền vô sản được các nhà triết học Mác - Lê-nin giải thích như trong *Từ điển Bách khoa Xô viết* năm 1986, trang 392: "Chuyên chính vô sản, chính quyền của giai cấp công nhân được thiết lập sau thắng lợi của phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội và quá độ đi tới xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân liên minh với nông dân và các lực lượng dân chủ khác..."

Định nghĩa là như vậy, nguyên tắc khá rõ ràng. Nhưng khi giai cấp công nhân, hoặc những người "đầu hàng" giai cấp công nhân cải tạo thành công nhân lại "ít", hoặc bỏ quên "Vai trò của nông dân - nhất là các tầng lớp xã hội, các lực lượng dân chủ", chủ yếu là với trí thức, tư sản, địa chủ ở những nước phương Đông - nơi xã hội không giống như ở châu Âu và "đấu tranh giai cấp ở đây không quyết liệt như ở châu Âu" (câu của Hồ Chí Minh).

Chỉ "nắm" vế trên "chính quyền của giai cấp công nhân" mà không quan tâm đến "đoạn" sau, hoặc cố ý đề cao "câu trên" coi nhẹ, bỏ qua, không phổ biến rộng rãi câu dưới nên chuyên chính vô sản ở một số nước châu Á đã có những biểu hiện lệch lạc.

Có một số đảng viên, cán bộ, nhà quản lý, thầy giáo triết học như muốn tỏ ra ta là người "giác ngộ giai cấp

(1) *Còn gọi là độc quyền, chuyên chế.*

cao" (Họ coi thường giác ngộ chính trị, tức là tự lòng yêu nước tìm ra con đường đi, phương pháp tiến hành...), "tính Đảng cao"... nên đã quá mức "Đề cao giai cấp công nhân, giai cấp vô sản, coi nhẹ tầng lớp khác". Cán cân tư duy, quan điểm này khi đã dịch sang dù là bao nhiêu cân, lạng cũng làm cho các giai cấp, tầng lớp khác dễ trở thành "công dân loại hai", chứ không như "5 cánh sao vàng: Sĩ, nông, công, thương, binh" (câu nói của Bác Hồ). Ở Trung Quốc, sau khi nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã giành được chính quyền, buổi đầu, người ta hô hào "Đoàn kết toàn dân"..., nhưng ít lâu sau đó cuộc cải cách ruộng đất đã làm "long trời lở đất, chết không ít sinh mạng". Tiếp đó là "Tam phản, ngũ phản" đánh giai cấp tư sản, kể cả tư sản dân tộc, có nhiều người trong số họ đã đóng tiền, góp của giúp Đảng Cộng sản. Muốn đưa nông dân lên "chuyên chính", nhiều nơi đã "nhảy vọt", mong muốn ít lâu sau "vô sản sẽ sản xuất ra thép gang bằng các nước châu Âu". Các lò luyện thép "mini", thủ công đã làm "khiếp vía" nhà khoa học. Rồi đến cách mạng văn hoá tấn công vào trí thức, sinh viên, cán bộ lão thành cách mạng tư sản hoá khiến xã hội loạn lạc, máu chảy đầu rơi...

Ở Việt Nam, sau khi giải phóng được nửa nước, miền Bắc bước vào hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội làm hậu phương lớn cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, đã có những "chủ trương" như đường lối cán bộ lấy công, nông làm cốt cán, "công, nông phải chiếm 75% trong cấp uỷ", "ưu tiên con em công, nông đi học nước ngoài", "hạn chế con cháu tư sản, địa chủ - dù đã cải tạo - đi học đại học nếu không phải là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản..."

Dù nhận thức, hiểu biết, đề ra chủ trương chỉ đạo việc chấp hành như thế nào, chỉ cần xem kết quả, hậu quả của

những "khẩu hiệu" trên là có thể giải đáp được. Cái bất lợi nhất cho Tổ quốc, cho dân tộc trong lĩnh vực "cầu hiền" (lời của Bác) là bỏ ra ngoài, không cho phép nhân tài đất nước được đóng góp với Tổ quốc (có một bộ phận bỏ nước ra đi, chảy máu xám), làm thui chột bao nhiêu tài năng...

Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng - tức là Nhà nước, là nhân dân, Bộ trưởng Bộ Đại học đã lập ra kế hoạch kiểm tra trình độ văn hoá, chuyên môn, tự mình đến giờ thi thì viết đề bài lên bảng (để tuyệt đối bí mật) để chuẩn bị điều kiện tốt cho nghiên cứu sinh đi học nước ngoài, đào tạo tiến sĩ ra tiến sĩ. Việc làm "vì nước, vì dân" ấy không được ủng hộ. Yêu cầu của cơ quan "xét theo thành phần là chủ yếu". Vì con em công, nông ít học - thi như vậy chỉ có con tư sản, tiểu tư sản... được đi học mà thôi. Sau này họ "sẽ làm loạn trí thức..."

Xin hãy nghe và đọc bài nói của Bác Hồ cách đây 45 năm - ngày 9 tháng 12 năm 1961 - với các "lão thành cách mạng" ở Nghệ An: "Các đồng chí chỉ đánh Tây. Đánh Tây là dọn đường nhưng không thể nạnh kẹ; chúng tôi vác cuốc, vác cào làm đường, già rồi mà chưa được đi xe, các anh mới lớn lên đã được đi xe... Tục ngữ có câu "Măng mọc quá pheo". Không lẽ ta ngồi nói măng, sao măng mọc quá cao. Có đồng chí nói đưa lớp trẻ vào mới làm được việc. Nhưng thâm tâm lại mong muốn là con cháu của mình kia. Con cháu mình là ai? Con cháu mình tất cả là thanh niên Việt Nam, chứ không phải như thời phong kiến "Cha làm quan, con là cậu ấm". Con mình xấu thì dễ bạt sao được. Đảng là Đảng của giai cấp, của nhân dân, của thế giới, chứ không riêng cho con cháu mình... Con của đồng chí mình thì kém, dốt hơn; con của người ngoài Đảng thì thông minh ngoan ngoãn hơn. Vậy thì là nên đưa ai đi? Con của người ngoài Đảng hay con của người trong Đảng?

Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị. Đảng không lo riêng cho một đồng chí nào hết. Đảng lo việc cho cả nước. Đó là chính sách cán bộ"[1]. Vào "chung kết", Bộ trưởng bị "ghi bàn", khiến ông băn khoăn suốt đời.

Trong kháng chiến chống Pháp, những năm 1953 - 1954 có bài hát với những câu như "triết lý": "Nông dân, đội quân hùng hậu (rất đúng vì chiếm đa số), đội quân chủ lực (chưa rõ chủ lực trong ngành nào: nông nghiệp là đúng, nhưng công nghiệp thì chưa...), đội quân cách mạng (nếu không có Đảng lãnh đạo, nông dân sẽ là đội quân gì...), không có nông dân thì kháng chiến không thể thành công" (không sai, mà cũng không đúng, không đúng ở chỗ văn nghệ nên lấy hình tượng mà diễn tả tư duy, đưa các mệnh đề triết học nguyên sơ trong sách giáo khoa vào mà không giải thích cặn kẽ, đầy đủ, có khi nhầm lẫn, sai lạc).

Vì "không có nông dân thì kháng chiến không thể thành công"... nên có thanh niên nông dân chưa đủ điều kiện chỉ huy, lãnh đạo vẫn được lên cấp khá nhanh, dẫn đến việc cơ quan cán bộ cứ phải bổ túc mãi và để hẫng hụt một lứa, một thế hệ cán bộ, không có nhiều người thay thế.

"Chủ nghĩa thành phần" này chính là "tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ" (chữ viết trong "Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 10), không cho phép các cơ quan Đảng, Nhà nước "mở rộng quyền đề cử và tự ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn" (chữ trong "Dự thảo Báo cáo...")

"Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời năm 1945 là nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, hoàn thành sự

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 10, sđd, tr.467.

nghiệp cách mạng dân chủ nhân dân, tạo tiền đề đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội"[1].

Vậy chuyên chính dân chủ nhân dân là gì? Là "Sự thống trị về chính trị của nhân dân bao gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và các cá nhân thân sĩ, lấy công nhân, nông dân và trí thức yêu nước làm nền tảng do đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo. Chuyên chính dân chủ nhân dân là thành quả thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Chức năng nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính dân chủ nhân dân là phát huy tự do dân chủ, tổ chức nhân dân hoàn thành các nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ chống lại các thế lực phản động, xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân tạo tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội"[2].

Về nhiều mặt, chuyên chính dân chủ nhân dân và chuyên chính vô sản có một số chức năng giống nhau "Vấn đề có tính nguyên tắc là thực hiện những nội dung và chức năng chứa dựng trong khái niệm chuyên chính vô sản chứ không phải tên gọi"[3].

"Vì vậy Đại hội VIII[4], Đảng Cộng sản Việt Nam xác định Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng Cộng sản lãnh đạo thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân" (*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*)[5].

---

(1) Từ điển Bách khoa Việt Nam, Sđd, tr.534.

(2), (3) Từ điển Bách khoa Việt Nam, Sđd, tr.534.

(4) Đại hội thông qua "Lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng lý luận và kim chỉ nam hành động". Chú ý khái niệm này chưa có thương gia, doanh nhân.

(5) Từ điển Bách khoa Việt Nam, Sđd, tr.534.

TỪ CUỐN SÁCH "NGUYỄN ÁI QUỐC" CỦA VIỆT NAM ĐẾN CUỐN SÁCH "HỒ CHÍ MINH" CỦA DUIKER - CHẶNG ĐƯỜNG 55 NĂM VIẾT TIỂU SỬ BÁC HỒ[*]

Theo những hồ sơ, văn bản hiện có tại các kho lưu trữ trong nước, cuốn sách viết về Bác Hồ được in sớm nhất là cuốn Nguyễn Ái Quốc do "Người chép truyện", ký tên "Việt Nam" hoàn thành ngày 1 tháng 3 năm 1946, nhà sách Bảo Ngọc văn đoàn (57 Cửa Nam, Hà Nội, dây nói 786), ấn hành, bán giá 2 đồng, phát hành ngày 7 tháng 4 năm 1946[1].

Mục dích viết sách, như trong "Lời nói đầu" là "Ôn lại quãng dường chiến đấu của một nhà cách mệnh, nêu một tấm gương nỗ lực hy sinh vì chủ nghĩa cho người ta biết rằng bất luận theo chủ nghĩa nào, ở đảng phái nào, yêu nước vẫn là việc phải để lên trên hết".

Ý kiến trên không chỉ là định hướng cho sách mà cho cả thời cuộc nước Việt Nam những ngày sau Cách mạng tháng Tám.

(*) Nội san tư liệu, Bảo tàng Hồ Chí Minh (số tháng 3-2003)

(1) Bản chúng tôi có được là bản in lần thứ hai trong bộ Quốc gia truyện ký.

Chỉ với 17 trang, sách cũng có đủ các đề mục (Gia đình và học đường; Xuất dương; ở Ba Lê; Hoạt động chính trị ở Pháp; Hoạt động ở Mạc Tư Khoa; Hoạt động ở Quảng Châu; Hoạt động ở Xiêm; Nhà lãnh tụ; Gây phong trào; Bị bắt và bị ốm chết; Phục sinh; Tên họ là gì), theo sát những chặng đường hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

Có thể cuốn sách còn nhằm phục vụ cho công tác đối ngoại, chuẩn bị cho các phái đoàn đàm phán ở Đà Lạt, Phông-ten-nơ-blô, nên sách đã được "Nha TT, chi bộ Paris in lại". Cũng chi bộ này, năm 1947 cho phát hành cuốn *Hồ Chí Minh* tại Paris.

Trong kháng chiến chống Pháp, tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh là nội dung được nhiều cơ quan tích cực tuyên truyền. Năm 1949, Sở Thông tin Liên khu X in sách *Hồ Chủ tịch,* 48 trang; năm 1950, Nha Thông tin Việt Bắc xuất bản cuốn *Chủ tịch Hồ Chí Minh* của Nguyễn Đình Thi gồm 2 tập, mỗi tập 68 trang; đầu năm 1954, Ty Tuyên văn Cần Thơ đã cho phát hành cuốn *Bước đường tranh đấu của Hồ Chủ tịch*... Ngoài số sách in đến nay sưu tầm chưa đầy đủ, còn có rất nhiều tài liệu về tiểu sử Bác Hồ in thạch, in ty-pô, phổ biến ở vùng tự do, tạm chiếm, trong kiều bào ở Lào, Thái Lan.

Sự kiện có ý nghĩa lớn là việc ra đời cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch,* đến nay đã được tái bản nhiều lần.

Theo nội dung các tài liệu dẫn ra trong sách, người đọc có thể nhận biết sách được hoàn thành vào cuối năm 1947, đầu năm 1948.

Công trình khoa học nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh đầu tiên được xuất bản là cuốn *Chủ tịch Hồ Chí Minh tiểu sử* của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, in năm 1960, sách dày 64 trang. Cuốn sách đã

được tái bản nhiều lần vào các năm 1972, 1975... và hầu như lần tái bản nào cũng có bổ sung.

Sau năm 1975, các sách viết về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh được xuất bản nhiều hơn, nhất là sau khi Đảng ta lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng lý luận và kim chỉ nam hành động. Nếu như từ năm 1946 đến năm 1992 có 253 đầu sách, thì trong 5 năm từ 1992 đến 1997 đã có trên dưới 500 tác phẩm.

Thư mục của Bảo tàng Hồ Chí Minh công bố năm 1995 đã có 2028 tác giả viết 3516 sách, bài về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và những tác phẩm của Người, trong đó có 87 tác giả của 60 nước ngoài. Đây chỉ là những bài, sách xuất bản từ tháng 5 năm 1990 đến tháng 5 năm 1994 mà Bảo tàng sưu tầm, lưu giữ, thực tế còn cao hơn. Năm 1997, Viện Thông tin khoa học xã hội, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia công bố *Danh mục sách viết về Hồ Chí Minh* do Nguyễn Hoài chủ biên, giới thiệu với bạn đọc một khối lượng sách viết về đề tài này là 752 công trình của 274 tác giả, trong số này những người có nhiều tên sách là Phạm Văn Đồng (22), Võ Nguyên Giáp (18), Trường Chinh (17), Tố Hữu (8)... Các số liệu này cũng chỉ là tương đối.

Nhiều tác giả người An-giê-ri, Pháp, Nga, Nhật, Mỹ, Trung Quốc như Ka-ta-ép, Giăng La Cu-tuya, Giăng Sét-nô, Ép-ghê-ni Kô-bi-ê-lép, Tsubôi, Sác-lơ Phen, Đoi-kơ (W.J Duiker), Hoàng Tranh, Lăng Kỳ Hàn... đã nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp Hồ Chí Minh. Năm 1995, theo một thư mục của Viện Hồ Chí Minh, trên thế giới đã có hơn 50 nhà xuất bản in 150 cuốn sách của hơn 100 tác giả người nước ngoài. Ngoài những tác giả nước ngoài đã nêu trên còn có Archer Jules, David Hanblerstam, W.Wiliam, Đ.O Leayd, Sainteny, Tưởng Vĩnh Kính... Một số Việt

kiểu như Thu Trang, Huỳnh Kim Khánh, Nguyễn Văn Huyên cũng đã viết sách về đề tài này.

Trong những sách nước ngoài viết về Bác Hồ, có sách chỉ viết về một giai đoạn, có sách viết đến năm 1967, có sách viết toàn bộ cuộc đời của Bác. Đáng chú ý là cuốn *Hồ Chí Minh* của Giăng La Cu-tuya. Là trợ lý báo chí của tướng Lơ-cléc, năm 1945 Giăng La Cu-tuya đến Việt Nam, tiếp xúc với nhiều cán bộ lãnh đạo ở Hà Nội, đã có dịp gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trở về Pháp, Giăng La Cu-tuya làm báo, dạy học, viết sách với tư cách một nhà "sử tài tử, tự do" (Theo lời của ông với các nhà sử học Việt Nam, nhân chuyến thăm Hà Nội tháng 11 năm 2001). Cuốn sách dày trên 400 trang này được bạn đọc trên thế giới đánh giá cao, cho rằng "Đó là cuốn sách viết hay vào bậc nhất về Hồ Chí Minh trong thời gian những năm 60". Một trong những cái "hay" của tác giả là đi sâu vào nội tâm đối tượng trong bối cảnh chính trị, xã hội, kinh tế mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh "đắm mình", cả ở những khúc ngoặt quanh co. Tác giả đã đặt ra nhiều câu hỏi tại sao thế này mà không thế kia, và đã thay lời đối tượng sách trả lời. Sách này đã được dịch ra từng phần, lẻ tẻ công bố trong tài liệu tham khảo ở Việt Nam(1).

Kết thúc thế kỷ XX, Đoi-kơ đã viết xong cuốn Hồ Chí Minh, do NXB Hyperion New York xuất bản. Đây là cuốn sách đánh dấu chặng đường 55 năm viết tiểu sử Hồ Chí Minh của ông kể từ năm 1946.

Đoi-kơ là một nhà Việt Nam học đã được nhiều người ở Việt Nam biết đến, là một cây bút có uy tín. Ông đã có những tác phẩm sau: Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam, Trung Quốc và Việt Nam, Chiến tranh thế giới lần thứ hai và cuộc cách mạng ở Việt Nam, Việt Nam cách mạng và chuyển đổi, Con đường cộng sản ở Việt Nam...

(1) Qua bản dịch của Cao Nham - Nguyễn Việt Hồng.

Cuốn sách dày 670 trang này của Đoi-kơ viết về Bác Hồ từ quê nhà ra đi, học làm cách mạng, qua Nghệ Tĩnh đỏ, bị bắt ở Hồng Kông, trong hang Pác Bó, trải qua những ngày tháng Tám 1945 đến cuộc kháng chiến chống Pháp, "sư tử quật ngã voi" với chiến thắng Điện Biên Phủ, tiếp đến cuộc kháng chiến lần hai, đoán định được thắng lợi nhưng không có mặt trong ngày toàn thắng... với chương cuối cùng về "Huyền thoại của con người này". Sách được viết bằng tiếng Anh, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam đã có được bản dịch tiếng Việt khá tốt. Đoi-kơ bỏ ra nhiều công sức, thời gian để đọc sách, báo, tư liệu, gặp gỡ nhân chứng, đối chiếu, kiểm tra sự kiện từ nhiều nguồn để viết sách này, cung cấp cho bạn đọc không ít những sự kiện mới và quý. Đoi-kơ đã thành công trong bức tranh toàn cảnh, tổng hợp về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Công trình sẽ có giá trị khoa học cao hơn nếu tác giả công bố rõ xuất xứ nguồn tài liệu, giúp cho bạn đọc có thể được học hỏi thêm, kiểm tra lại, tăng giá trị, chất lượng, độ chính xác của sự kiện.

55 năm đã qua, nhìn lại chặng đường hơn nửa thế kỷ với trên ngàn cuốn sách viết về Hồ Chí Minh thực sự, bạn đọc trong nước và ở nước ngoài vẫn chưa hết niềm mong ước có một "công trình tập đại thành" về Bác Hồ. Cho dù chúng ta đã có hai bộ sách "cơ bản", "gối đầu giường" là *Hồ Chí Minh, Toàn tập* 12 cuốn, *Hồ Chí Minh - biên niên tiểu sử* 10 cuốn, công việc tìm kiếm, khai thác tài liệu về Bác vẫn cần phải tiếp tục và tăng cường.

Cái khó lớn nhất là nhiều việc làm của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, không phải chỉ trong thời gian hoạt động bí mật, mà ngay cả sau khi giành chính quyền, cũng "Chỉ mình mình biết, mình mình hay", không ai biết ngoài Bác. Mà vì nhiều lý do khách quan, chủ quan,

với đức khiêm tốn... Bác nói ít, không nói, không đề cập tới rất nhiều vấn đề để ta hiểu rõ hơn về Người.

Cái khó thứ hai là, ngay cả những việc đã viết ra, vẫn có vấn đề cần nghiên cứu. Một báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, Bác viết bằng ba, bốn thứ tiếng, cùng nội dung, cách nhau vài ngày, nhưng ý tứ, cách diễn đạt không thống nhất. Cơ quan có trách nhiệm chỉ sưu tầm được một bản, dịch ra, nhưng liệu các bản khác có cần tham khảo không? Đây là chưa kể có tư liệu vì hoàn cảnh nào đó đã phải để lại một số đoạn, số câu, hoặc chuyển dịch ra tiếng Việt chưa thật đúng với ý Bác.

Chặng đường 55 năm còn quá ngắn ngủi với cuộc đời, sự nghiệp một người 79 tuổi, mà mỗi năm, mỗi tháng, thậm chí mỗi ngày cũng có thể giúp ta viết nên một cuốn sách. Có những danh nhân, sau 200, 500, 1.000 năm sau ngày mất vẫn còn được hậu thế tái hiện với khao khát, hy vọng đầy đủ nhất, nhưng cũng có thể chưa thoả mãn, hài lòng.

Hy vọng rằng những người được sống trong thời đại Hồ Chí Minh sẽ có được một cuốn *Tiểu sử Hồ Chí Minh* với nội dung, chất lượng, độ chính xác cao nhất trong điều kiện có được. Trong công việc lớn lao, nặng nề này, các nhà sử học, Hồ Chí Minh học phải gánh phần trách nhiệm chính vì "Bổn phận người làm sử là phải đánh giá một cách hết sức khách quan và nghiêm túc các nhân vật lịch sử cùng những hành động của họ trong khuôn khổ quá trình lịch sử"[1].

(1) Hồ Chí Minh, Hồn dân tộc, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr 168.

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ
NGUYỄN VĂN KHOAN

Sinh năm 1929 tại Huế. Học sinh trường Quốc học Thanh Hoá; Hiệu trưởng Trường Tiểu học Chùy Giang (Thiệu Hoá - Thanh Hoá); Học viên Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn khoá V (1949 - 1950); Tổng biên tập báo *Tiến lên* của Đoàn 99, cán bộ huấn luyện, tuyên huấn, đối ngoại, Tổng biên tập báo Thông tin liên lạc, Giám đốc Bảo tàng Thông tin, Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (khoá I), cộng tác viên của Viện Mác - Lê-nin - Hồ Chí Minh từ năm 1985 đến 1999, cựu chiến binh.

Sách viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh:

Viết riêng:

- **Mùa xuân Cụ Hồ**
- **Bao dung Hồ Chí Minh**
- **Vụ án Hồng Kông 1931** (đã dịch ra Trung văn
- **Bác Hồ với chiến sỹ** (4 tập)
- Hồ Chí Minh với công tác thông tin liên lạc
- Hồ Chí Minh với giao thông vận tải
- **Nguyễn Ái Quốc với công tác thông tin liên lạc du nhập chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam**
- Bác Hồ ở Xiêm
- Bác Hồ ở Hoa Nam

- Nhớ lời Bác dạy (3 tập)

- Câu chuyện về chiếc vòng bạc của Bác Hồ...

Viết chung:

- Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu.

- Mãi mãi đi theo con đường của Bác.

- Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh với thời đại

- Hồ Chí Minh - hiện thân của văn hoá hoà bình

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết

- Bác Hồ - con người và phong cách (3 tập)

- Hồ Chí Minh - một nhân cách hoàn hảo

- Tham gia thực hiện bộ sách Hồ Chí Minh - Toàn tập, Hồ Chí Minh - biên niên tiểu sử, Tiểu sử khoa học Hồ Chí Minh.

- Hồ Chí Minh tiểu sử.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam.

- Bộ đội thông tin đời đời ơn Bác

- Sổ tay tra cứu Hồ Chí Minh

- Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh

- Đường Bác Hồ đi cứu nước.

MỤC LỤC

- LỜI GIỚI THIỆU 5
- MÙA XUÂN CÁI THIỆN, CÁI ÁC 7
- ĐI TỚI MỘT MÙA XUÂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 10
- VÌ MỘT MÙA XUÂN CHO TRIỆU TRIỆU CON NGƯỜI 11
- MÙA XUÂN VÀ HAI CHỮ "ĐỒNG BÀO" THEO Ý CỤ HỒ 14
- DI CHÚC BÁC HỒ - MỘT NÉT TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH TRONG MỘT "MÙA XUÂN NHÂN LOẠI" 17
- HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC DÂN TỘC ĐÔNG NAM Á 23
- ĐÓNG GÓP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI THỜI ĐẠI 29
- ĐÓNG GÓP CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI QUỐC TẾ CỘNG SẢN 40
- HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ BIỆT LẬP VÀ HOÀ NHẬP 48
- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT 51
- DÂN TỘC VIỆT NAM, DÂN CHỦ HỒ CHÍ MINH 86
- BAO DUNG HỒ CHÍ MINH 96
- ĐẤU TRANH GIAI CẤP VỚI TƯ DUY CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH 101
- NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI BÀI HỌC GIÁO ĐIỀU, TẢ KHUYNH TRONG QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM 109
- MỘT CHẶNG ĐƯỜNG CỦA "LỮ HÀNH CÔ ĐƠN" NGUYỄN ÁI QUỐC (1934-1938) 119

- HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở LIÊN XÔ (1934-1938)
  Ý NGHĨA, VAI TRÒ, BÀI HỌC ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM 131
- ĐẠO PHẬT VIỆT NAM - ĐẠO PHẬT CỤ HỒ 146
- 50 NĂM "THƯỜNG THỨC CHÍNH TRỊ"
  (1953 - 2003) CỦA Đ.X (BÁC HỒ) 150
- ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG LỚN
  CỦA NỀN BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM 155
- ĐỌC LẠI BÀI "HY SINH" 174
- "NẾU LÒNG DẠ KHÔNG CÒN TRONG SÁNG NỮA..." 161
- GIỮ LẤY GỐC CÂY ĐÀO 163
- NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH, NGƯỜI THẦY VĨ ĐẠI ĐỔI MỚI ..167
- CÂY KHÔNG RA QUẢ KHÔNG PHẢI VÌ ĐẤT KHÔNG TỐT
  MÀ VÌ NGƯỜI CHỌN GIỐNG CÂY SAI 180
- TỪ CUỐN SÁCH "NGUYỄN ÁI QUỐC" CỦA VIỆT NAM,
  ĐẾN CUỐN SÁCH "HỒ CHÍ MINH" CỦA DUIKER -
  CHẶNG ĐƯỜNG 55 NĂM VIẾT TIỂU SỬ BÁC HỒ 186
- VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ NGUYỄN VĂN KHOAN 192

TS. NGUYỄN VĂN KHOAN

ĐI TỚI MÙA XUÂN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

8935077002966
Giá: 28.000đ